

Trung-Bắc

Chủ-nhật

NGUYỄN ĐOÀN-VƯƠNG CHỦ-TRƯỞNG

ĐEPO
+ 3000 m
N^o A. 24 380



Chiến-tranh ở miền quần-đảo Aléoutiennes

TUẦN-LỄ ĐÔNG-DƯƠNG

Hôm giờ chiều 15 Mai, tại phủ Thống-sứ cũ cử hành lễ gần Kim-bài của Nam-triều theo quan Thống-sứ Haelewyn. Do sự xây cơ đồng đố các vị thường quan Pháp, Nam

Cu Võ An Ninh Hoàng-trong-Phu khám-maug đưc, Bể-Bại, đến gần Kim-bài cho quan Thống-sứ. Trước khi gần, cu Võ hiền có đọc chiếu chỉ của nhà vua và kẻ qua công-trang quan Thống-sứ

Theo-phong tục người Nam, hồi xéc-xe Việt-Nam tại Nn-trang đã cử hành ngày tuần từ cửu bác-sĩ Yersin rất long-trọng. Nhiều vị thân hào trong thành-phố cũng các nhà chức-trách Pháp, Nam, cũ những dân Mọi ở xa về có đi thăm mộ bác-sĩ. Mọi người đương yên lặng để tỏ lòng thương tiếc vị bác-sĩ đã có công với nhân loại, rồi người lay, kẻ xá trong bầu không khí rất cảm động.

Huân tể tại nhà xéc-xe có tiết ban thờ bác-sĩ Ông hồi-trưởng nhà xéc-xe và quan Sĩ Thiollier có độc diễn văn nhắc lại công đức của bác-sĩ.

Giải vô địch Đông-dương về bơi lội năm nay sẽ tổ chức tại kinh thành Nam-vang. Trong hai ngày 31 Juillet và 1er Août 1943.

Quan Thống-sứ đã ký nghị định cho phép hội Ái-hữu các phụ huynh các học-sinh người Nam được phép thành lập

Quan Toàn-quyển đã ký nghị-dinh ban hành ở Đông-

ương đạo sắc-lệnh, ngày 16 Mars 1943 cho phép trường Cao đẳng Luật-học cấp bằng Cao đẳng Kinh-tế Chính-trị Diplôme d'études supérieures d'économie politique.

Nhà Đông-dương ngân hàng vừa cho phát hành thư

Mặt trái, ở giữa có 2 hình tròn, có vẽ hình biểu-hiệu xứ Cao mên, có chữ Tân, Cao-mên và (áo mới) là giấy 1 đồng. Những chữ quốc-ngữ « giấy 1 đồng vàng » ở phía trên.

Giấy bạc này in bằng thư giấy riêng dài và trắng.

Cả hai mặt giấy bạc đều in màu nâu rất sẫm và màu tím sẫm.

Ông Shin Kinoshita cố-vấn mới của tòa đại-sứ Nhật ở Đông-dương, đã đến phi-cơ từ Fukuoka để đi Saigon nhậm chức.

Một công-ty thu thanh Nhật - Đông-dương, đã hành lập để thay thế cho hãng « ASIA » ở Chợ-lớn. Đông-dương là xứ sản xuất rất nhiều nguyên-liệu cần-thiết để làm đĩa hát và công-ty thu thanh đổi mới này sẽ có thể sản-xuất hơn một ngàn đĩa hát trong một tháng, đủ cả đĩa hát tiếng Việt-nam và tiếng Nhật.

Quan Thống-sứ đã ký nghị-định, hôm 19 Mai, về việc nhập-công-súc vật làm thịt vào địa-hạt Bắc-kỳ:

Ái-muôn nhập công-súc vật làm thịt vào địa-hạt Bắc-kỳ phải có giấy phép nhập-công (licence d'importation). Giấy phép này sẽ do quan thủ hiến địa-phương cấp theo lời đặt của ông chánh-sĩ Thủ-y và ông chánh-phong Kinh-tế Bắc-kỳ.

Những nhà nhập công-súc vật phải có môn bài làm thịt hay môn bài buôn-súc vật đã lấy ít ra là 6 tháng.

(Xem tiếp trang 35)

SỐ HỀ 1943

của TRUNG BẮC CHỦ-NHẬT

xuất bản ngày 6 Juin là một số báo hay, đẹp, có ích, đem sự tươi, mát đến cho mọi nhà. In toàn giấy tốt vẫn bán 0540

Những tài-liệu đem ra nói trong số đó, những chuyện ngắn và những văn vui toàn là những vấn đề mới, là chưa ai nói đến bao giờ cả. Bia và tranh ảnh của Võ An Ninh

Các bạn sẽ chú ý đến những bài thơ bô của Số Báo, những bài khảo cứu của Hồng Lam, Văn Hạc, Tùng Hiệp, Văn Bội, Vũ Bằng, Những chuyện ruyền kỳ về con cóc của Huy Hoàng, Ngũ Liễu

Hai chuyện ngắn chọn lọc của Ng. Tuấn, Thanh Châu và kịch thơ Quỳnh-Như của Phan Kế Khoan

giấy bạc 1\$ mới. Kịch giấy bạc này do họa sĩ Trần-tấn Lộc vẽ, in tại nhà Ideo Hanoi

Giấy 1\$, này khổ chữ nhật 6 phần 3 và 12 phần 6

Mặt phải tờ giấy, một bên vẽ hình máy chiến thuyền buồm và tam-bán một bên vẽ hình tròn giữa để chữ 1\$. Trong tờ giấy có 2 chữ ký đều in cả. Số giấy bạc in chữ đen, ở phần giữa vẽ phía trên tờ giấy.

Sau cơn giông tố ở Tunisie, các mặt trận lại trở lại yên ổn. Ở mặt trận Nga, theo tin Transo-céan thì thời kỳ hiện nay là thời kỳ sửa soạn cũng như trong các mùa xuân chiến tranh khác. Về phía quân Đức hiện đã dự bị xong cả về mặt tấn công và phòng thủ chỉ còn đợi lệnh là tức khắc tiến hành ngay chương trình hành binh về năm 1943 này. Chương trình đó dự theo các điều mà phi quân Đức đã xét được ở mặt trận phía Đông và hải-quân đã xét được ở mặt trận phía tây Âu.

Các giới quân sự Đức chưa nói rõ gì về ý kiến bộ Tổng tư lệnh Đức đối với các việc an mưu của bên địch. Nhưng có lẽ quân địch đang dự bị một cuộc tấn công lớn.

Về chương trình hành binh về phía Trục, bộ tư lệnh các nước đã đồng ý con về phía đông-miền thì hiện chưa có một chương trình duy nhất, có vẻ các mục đích chiến tranh cũng vậy.

Trên mặt trận Nga, bây giờ mùa xuân mới bắt đầu tới, cả hai bên, các đội quân ở đây rất hoạt động. Bên Đức đang do xét sự hành động của bên địch nhất là ở phía Nam thủ h Muc-tu Khoa và trong khu Roursk. Có lẽ quân Nga định đánh để sửa lại trận tuyến cho khỏi có chỗ quân địch chiếm sâu vào lại khu Orel chăng? Hiện quân Đức đã dự bị để phó mọi việc đó.

Còn ở khu Novorossik thì cả phi quân và bộ binh Nga, chưa được phân thắng lợi nào như tin Muc-tu Khoa và tin Anh đã phao đồn.



Đo-đốc Isoroku Yamamoto

Tuần-lễ Quốc-tê

Một tin sau cùng nói bắt đầu từ hôm 20 Mai sau khi bắt đầu bắt rồi, quân Nga đã đánh vào phòng tuyến Trục ở miền Kouban, quân Nga đánh cả phía Bắc phía Tây và phía Nam Novorossik. Quân Đức phản công rất kịch liệt.

Một tin Đức nói quân Nga đã tập trung nhiều quân và chiến cụ ở phía Nam Muc-tu Khoa nhưng chưa rõ là mục đích để tấn công hay chỉ để phòng thủ thôi. Người ta lại nói có lẽ cuộc chiến tranh ở mặt trận phía Đông chắc hẳn có cơ sắp kết liễu.

Một tin Đức lại vừa nói có nhiều dân miền Ukraine do Đức chiếm đã đổ súng vào quân đội Đức ở thành Orel cũng nói quân tình nguyện khá mạnh để giúp quân Đức.

Ở mặt trận Đại-đông Á tin Nhật nói quân Mỹ đã bỏ ở đảo Attu vẫn nhận được thêm rất nhiều quân tiếp tế cả chiế-xa-xa, tuy vậy quân Nhật vẫn không chiến mành liệt với một tinh thần khá cao. Bộ tư lệnh Hoàng-quân trong các rừng các đội quân Mỹ đã bỏ ở bờ biển phía Nam đảo Attu hình như là một đội quân lớn và số quân càng ngày càng tăng thêm từ 16 Mai đã bắt đầu đổ bộ chiế-xa và các thứ chiế-cu hàng nặng. Các đội quân Mỹ đổ bộ ở phía Bắc đảo cũng tăng thêm dần và đang tiến xuống miền Nam.

Quan Nhật hiện đang phân công ở phía Đông ai và đã làm cho bên địch thất bại khá lớn.

Qua. Nhất ở miền này vẫn g được tình thần có hậu của một đội quân có tinh là vô địch. Tin Domei ngày 21 Mai theo một bản thông cáo đại hành doanh Hoàng-quân báo rằng: Đô-đốc Isoroku Yamamoto, tổng-tư-lệnh hải không-quân Nhật đã chết một cách anh liệt trong một trận không chiến với quân địch hồi tháng Ái-ti vừa rồi. Đô-đốc đã tử trận trong khi cuối phi-cơ để chỉ huy các cuộc hành binh.

Đô-đốc Mureichi Koga đã được cử lên thay đô-đốc Yamamoto giữ chức Tổng-tư-lệnh hải không-quân.

Đô-đốc Yamamoto giữ chức Tổng-tư-lệnh hải không-quân Nhật, từ khi cuộc chiến-tranh Đại-Đông-Á xảy ra đến nay đã lập được nhiều kỳ công. Ngài là một người rất có công với việc mang các đoàn thần ưng của hải quân Nhật, trong 1. B. C. N. này đã có lần nói đến tiền sử của ngài vì ngài có công với nước nên Thiên-hoàng đã truy.

(xem tiếp trang 34)

**Cuộc chiến-tranh
trông băng, tuyết
gió bão và sương
mù gần Bắc-cực**

MIỀN QUẦN ĐẢO ALÉOUTIENNES

VA BẮC THÁI-BÌNH-DƯƠNG

LÀ MIỀN HOANG VU GIÓ RẾT SƯƠNG PHỦ QUANH NĂM

**HIỆN NAY ĐÃ THÀNH
BÀI CHIẾN TRƯỜNG
GIỮA QUÂN ĐỘI
NHẬT VÀ QUÂN MỸ**

Trong một bài đăng trên tờ tuần báo này hồi mùa đông 1933, chúng tôi đã nói cuộc chiến-tranh này lan rộng từ các miền nóng như thiên đôt dưới đường xích đạo ở Phi-châu cho đến tận các miền băng tuyết gần Bắc cực. Thực thế, sau gần bốn năm chiến-tranh, cuộc binh lửa đã bao trùm khắp hoàn-cầu, không trừ một miền nào và không mấy dân-tộc là không dự vào một cách trực tiếp hay gián tiếp. Liên khởi thuộc súng bắt đầu nổi lên ở Ba-lan miền Trung-Âu nay đã tỏa khắp cả tân, cựu lục địa từ Úc-dại-lợi đến tận eo biển Bering. Từ xưa đến nay thực chưa bao giờ có một cuộc chiến-tranh lớn lao, gồm gồm và phạm vi lan rộng đến thế. Mọi điều nũa làm cho ta phải chú ý là cuộc thế-giới đại chiến này đầu xảy ra ở miền nào, trên bề, trên không, hoặc trên cạn, ở giữa trung-châu hay gần bắc cực, cũng đều vô cùng kịch liệt, dữ dội.

Giữa lúc cuộc đại chiến ở Tunisie vừa kết liễu thì hằng Domei vào hai ngày 16, 17 Mai đã báo cho ta biết rằng: « Nhiều toán quân Hoa-kỳ khá mạnh đã đổ bộ ở miền duyên-hải Nam đảo Attu là hòn đảo ở phía cực tây trong quần đảo Aléoutiennes phía Bắc Thái-bình-dương.

« Sau mấy ngày giao-chiến dữ dội, phần nhiều các toán quân Mỹ đã có hải và phi-quân trợ lực đã bị quân Nhật đánh dồn ra bờ biển và phá tan hết. Theo tin của đại bản doanh quân Nhật thì hiện nay quân Nhật đã bắt đầu tiến trên đảo vì nhiều quân Mỹ đã đổ bộ thêm để tăng lực lượng cho các toán quân lên bộ từ trước. Quân Nhật tuy ít hơn nhưng vẫn phần công dễ đánh

đuổi quân địch. Đã hai lần vào các ngày 14 và 15 Mai, quân Mỹ dùng đến hơi độc tuy vậy quân Nhật vẫn không dùng thứ khí-giới nguy hiểm đó để đối địch.

Roc qua bức điện tín, đó, chắc nhiều bạn đọc giả muốn

biết rõ đảo Attu và quần đảo Aléoutiennes — những địa điểm trong lúc thái bình thì khi nghe nói tới — ở đâu, và địa vị trọng yếu như thế nào mà đã gây nên một cuộc giao tranh khế gồm giữa Nhật và Mỹ đến thế.

Đó chỉ là những hoang đảo ở giữa một miền bờ quanh năm đầy băng và bao phủ trong một màn sương mù, gây đặc không quân hệ gì về nhân dân và kinh tế.

Biết các nơi đó hoa chàng chỉ có các nhà thám-hiền trên mặt biển và các dân chài lưới thường đi đánh cá ở miền gần Bắc cực.

Không ai dám ngờ rằng giây quân đảo lý ty ở rải rác theo dọc một đường vòng cung từ bán đảo Alaska đến bán đảo Kamchaka như để nối liền hai lục-địa mới và cũ đó ngày nay đã thành những địa điểm rất trọng yếu trong việc dụng binh và những mối tranh dành giữa các cường quốc.

Ta nên biết rằng trước ngày 8 Décembre 1941 là ngày xảy ra cuộc chiến tranh Đại đông Á, các nước đồng minh Anh, Mỹ vẫn có ý muốn phong tỏa Nhật trong một cái kim lớn có ba gong: gong thứ nhất ở giữa là các đảo Hawaii, Midway, Wake và Guam, gong thứ hai ở phía Nam chạy qua các đảo Nouvelle Zélande, xứ Úc-dại-lợi, đảo Nouvelle Guinée, Nam-dương-quân đảo, Tân-gia-ha, Mã-lai và Diên-diên, còn gong thứ ba ở miền Bắc của cái kim khổng lồ đó tức là quần đảo Aléoutiennes vậy.

Ngay trong thời kỳ chiến tranh thế nhất, quân Nhật theo một chiến lược chớp nhoáng đã phá hủy được một phần lớn lực lượng hải quân Mỹ ở Hawaii rồi lần lượt chiếm các đảo Guam và Wake phá gong cái kim giữ, cái gong mạnh nhất trong ba gong. Sau đó, quân Nhật lại chiếm được cả các nơi cần cù trọng yếu của đường minh ở phía Nam như Mã-lai, Tân-gia-ha, Nam dương quần đảo, Diên-diên... giữ được cái gong kim ở phía Nam. Thế là

quần Nhật đã đánh lui được quân Anh, Mỹ ra khỏi miền Đại đông Á và chiếm được gần hết các nơi cần cù đó đó quần địch có thể xâm ấn nước Nhật chỉ còn phải phòng bị quân địch ở miền Bắc và đến hồi cuối 1942 thì đã truôi được cái nguy bị xâm lược ở mặt đó bằng cách đổ bộ lên các đảo Attu và Kiska là hai đảo ở về phía cực tây trong giây quần đảo Aléoutiennes. Giành hai đảo nhỏ đó, phi quân Nhật có thể từ đây bay sang đánh phá các nơi căn cứ của Hoa-kỳ như H-lan cảng (Dutch Harbour) trong đảo Unasika và cả bờ bệ phiatây Bắc Mỹ.



Ảnh Đông Á tuần báo
Một cơ thủy binh Nhật đổ bộ
lên một đảo Aléoutiennes hồi
7 và 8 Jun 1941. Là cơ Nhật bay
pháp phối trên đảo

Một giây hoang- đảo dài 2,300 cây só

Quần đảo Aléoutiennes là một giây đảo phía Bắc an vào bán đảo Alaska thuộc đất châu Bắc Mỹ. Giải quần đảo này theo địa chất học thì là một phần của giây núi dài nhất thế giới chạy suốt từ mũi bờ Horn ở miền cực Nam Mỹ cho đến quần đảo Koman-dorskiye phía đông bán đảo Kamchaka, quần miền duyên-hải phía tây tân lục địa.

Quần đảo này gồm có độ 150 hòn đảo nhỏ lý ty ở rải rác hoặc chen thục như theo một con đường vòng cung dài chừng 2,300 cây só giữa hai bán đảo Alaska và Kamchaka, phía Nam bờ Bérhi g. Các đảo nhỏ này có chỗ còn có núi lửa nên trên đảo cây cối rất cần cù, nhiều chỗ trơ trụi hần. Các đảo đó cách nhau bởi những eo



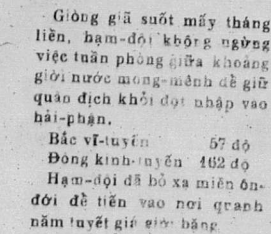
Ảnh Đông Á tuần báo
Quần Nhật sau khi đổ bộ, tức thành hàng một trên
đảo Attu không gặp quân địch kháng chiến gì cả

Hoa-kỳ coi việc quân Nhật chiếm đóng hai đảo đó như một cái ung lổ ở cạnh sườn có thể bùng hoặc vỡ nú và thành một bệnh nguy hiểm, nên từ một nam nay đã mấy lần lần công bằng phi quân và hải quân và gần đây phải đổ bộ để mong khắc phục lại các nơi căn cứ đó.

Đoàn Phi Hùng Cu
bè hẹp khó qua lại, chỉ trừ người dân Altu ở
miền cực tây và quần đảo Komandorski và
quần đảo này và bờ biển bên đông Kamtcha-
ka, Diện tích lại cả các đảo do băng diện tích
nước Thuyết nhưng dân số chỉ có hơn 1.000
người thuộc giống Esquimaux miền Bắc cực.
Quần đảo Aleutien cũng như (đất Alaska là
thuộc địa của Hoa kỳ Trung tâm điểm nên
hành chính ở trong đảo Unalaska, Hạ lan cảng
(Dutch Harbour) một quần cảng trong vịnh của
Hoa-kỳ cũng ở trong một cao vung bên phía
bắc địa này. Máy năm lần đây, Hoa-kỳ đã tăng
phần địa vị và mở rộng quan cảng này
nhiều, lại cả các nơi căn cứ quân sự ở hai đảo
Kiska và Attu.

đường hàng vĩ Bắc-bắc đường độ eo biển Bering chỉ rộng độ 72 hải lý ở giữa Á-châu và Mỹ-châu. Trước khi phái-hội Vitus Bering được đầu tư ra eo biển này để biết miền tiếp giáp giữa Á và Cựu lục địa vào năm 1741, người ta vẫn lầm tưởng là hai châu Á và Mỹ ở liền nhau cũng như Âu Á. Chính chứng và nhà thám hiểm Nga Tchirikof đã vượt qua miền Bắc Thái-bình-dương này đầu tiên và dùng thời đó làm ra xứ Alaska đầu lập nhập vào xứ Tây-bà-lơ-a của Nga. Hai bên bờ biển Bering càng về phía Nam thì liền càng xa nhau, về phía Á-châu cũng như về phía Mỹ-châu đều có nhiều rừng và núi. Ở Trung-bộ Bering rất thấp, chỉ có một hẹp nhất eo biển giữa Á và Mỹ-châu, eo quần đảo D.omedes mà đảo Saint Lawrence là đảo lớn nhất. Phía tây quần đảo Aleoutennes là bán đảo Kamtschatka do đất đai nhất 1000 cây số ở miền Bắc Đông

quảng hồng với Bắc-băng dương do eo biển Bering chỉ rộng 72 hải lý ở giữa Á-châu và Mỹ-châu. Trước khi phái-hội Vinas Bering được đưa tìm ra eo biển này biết rõ miền tiếp giáp phía Bắc và cực lục địa vào năm 1941, người ta vẫn lầm tưởng là hai châu Á và Mỹ là liền nhau cũng như Âu Á. Chính Bering và nam thám hiểm Nga Tchirikof đã vượt qua miền biển Thái-bình-dương nam đầu tiên và đồng thời đã tìm ra xứ Alaska đem sáp nhập vào xứ Tây-bà-lợi-a của Nga. Hai bên bờ biển Bering càng về phía Nam đất liền càng xa Mỹ, về phía Á-châu cũng như về phía Mỹ châu đều có nhiều rừng và núi. Ở Trung-băng Bering rất ít đảo, chỉ có một hẹp nhất có eo giữa Á và Mỹ-châu có quần đảo D.omedes mà đảo Saint Lawrence là đảo lớn nhất. Phía tây quần đảo Aleout ennes là bán đảo Kamiscuak do đất đai nhất 1000 cây số về phía Bắc Đông



Hàm - đội
lăng lẽ đi
trong bầu
gợi tích
mịch. Liền
lạc với đá
huyền, xứ sở,

độc chi-buy hải-dội, theo sau
là ba khu - trục - bạm nhỏ
chuyên việc lùng tàn ngấm
và đánh phi-cơ.

Rồi thân xương. Tuyệt
xương mồi in một nhiều, bao
phủ các cơ quan trên boong
tàu qua như tấm mền bông
trắng sữa. Tại phía mũi chiếc
tàu-dỡ-bạm, dưới kiềng
đai-bạc 140 li đại trọng pháo

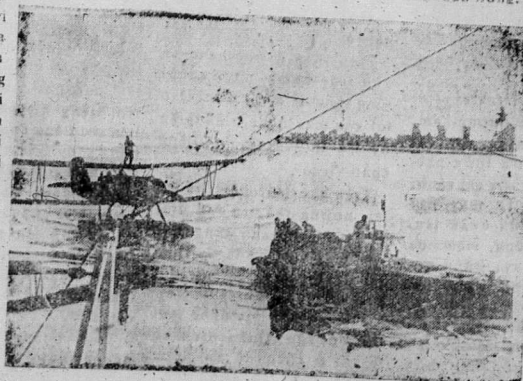
viên trung-úy dăm dăm cổ
tìm trong viên kính, bình
bong của quân thù, và trong
pháo đài kín mít, viên sĩ
quan pháo hũ cũng các người
phụ thuộc đã sẵn sàng, chỉ
đợi lệnh trên xuống-dai phát
ra là cho các đại-bác nhả đạn.

Dưới tầng hoang vắng này,
Trong buồng mây, đứng trước
lò than hồng, những lò máy
và đôi than
như
trong mây
é.

Họ cảm thấy
lạm việc,
khiến sức
mạnh 80
nghĩa mả lực
dây con tàu
6 nghĩa tên
bếp trên
mặt biển với
áo để hơn
30 năm
sốt gờ.
Vòng tay
lưu trữ
hàng nghìn
huy, chỉ chất
đồng hồ.

bóng đèn, kim xanh đỏ, đang
lắng tai nghe chuông báo
hiệu dễ dàng khiến cho máy
chạy nhanh hay chậm.

Phía sau tàu, nơi bánh lái, một thủy binh giữ việc canh gác phễu pháo đang đi đi lại lại, chỉ đợi có tiếng kèn « có người ngã xuống nước. Phễu pháo có chất hóa-học, gặp nước, sẽ sáng rực lên, khiên



Sau khi đi tuần-tiểu, phi-cơ và chến-hạm Nhật giờ về đến nơi cầu cũ trong đảo Ait.

cho trong lúc tối giờ, kẻ bị nạn trông thấy phao mà bám vào, người trên tàu nhìn thấy phao mà cứu vớt.

Đoàn tàu vẫn nối đuôi nhau mà đi, giữa cảnh hoang vu, một màu mây nước. Trên cột buồm tuần-dương-hạm bỗng hiện lên một giấy cờ bay phấp phới, xanh, đỏ, trắng, vàng. Đó-độc phát lệnh cho đoàn-tàu phải giảm tốc độ để phòng nạn gặp những tảng băng trôi. (Iceberg). Những tảng băng từ Bắc-cực trôi xuống miền nam, đồ sộ như tòa thành, như trái núi rất nguy hiểm cho tàu bè. Lịch-sử hàng hải đã ghi bao nhiêu tai nạn thương tâm sau những cuộc gặp gỡ của « sấm » và « đá » hải hồng khủng khiếp...

Trên cầu máy (catapulte) đặt mô-sau tuần-dương-hạm, giữa ống khói và cột vô-tuyến-điện, chiếc thủy-phi-cơ trên sắp sửa cất cánh.

Giữa nơi xa lạ, máy bay sẽ là tai mắt của đoàn tàu. Nại bị lộn xộn, viên hoa tiêu trên lầu máy. Đàng sau là viên dõi bắn súng liên thanh. Tiếng động - cơ - nổ vang, rộn và đều: máy đã đủ sức lên. Viên hoa tiêu guy tay làm hiệu. Trung - úy thủy quân giữ việc điều khiển ống hơi, quay một chiếc cần. Hơi trong ống thoát ra, đẩy chiếc xe goòng (chariot) bốn bánh chèo máy bay, chạy hơn hơn trên cầu máy. Tới đầu cầu, gặp cầu cầu (butoir) chiếc goòng dừng lại, hất chiếc máy bay ra khỏi cầu. Sấm đá, phi-cơ rời tàu và bay lên thượng tầng cao.

Yêu dân nhưng không nịnh dân

tit. Trong buồng vô-tuyến-điện trên tuần-dương-hạm, viên sĩ quan chăm chú nhận tin của phi-công đánh về và chuyển cho viên phi-công những huấn lệnh của Đô-đốc...

Có máy bay đi trước đã đường, do tàu không còn lo bị quân địch đánh úp nữa...

Bỗng kèn đồng thổi vang... Viên sĩ-quan vô-tuyến-điện vừa nhận được tin của máy bay báo về là có tàu ngầm lạ lảng vắng cách hơn một hải-lý.

Trên tuần-dương-hạm và khu-trục-hạm, mọi người sẵn sàng để ứng chiến. Dân tai vào máy nghe, viên thiếu úy trẻ tuổi đang đợi tiếng chân vịt lạ...

Trên khu-trục-hạm, về mé lái, những quả lựu đạn diệt tàu ngầm đã sẵn sàng đặt trên máy bắn. Khẩu đại-bác 120 li cũng sửa soạn để đối phó với quân thù.

Tiếng chân vịt nghe mỗi lúc một gần. Quân địch có lẽ chỉ ở cách độ vài trăm thước, dưới làn nước biếc. Một lệnh truyền. Ba chiếc khu-trục-hạm tức tức thì lượn một vòng, theo hình soay chôn ốc, nhằm chỗ có tiếng khả nghi mà bắn lựu đạn. Tiếng nổ vang, nước bề tề tung, cao như những cột nhà trắng xóa.

Ước chừng độ mười lăm phút, tiếng chân vịt nghe xa

dần, rồi tắt hẳn... Kẻ thù đã đi rồi. Không, nó lại tới, nhưng lần này không ở dưới nước mà ở trên không-trung. Hai chấm đen hiện ra tại mé chân trời, hướng thẳng về đoàn tàu, mỗi lúc một to dần. Hai chiếc phi-cơ phóng pháo bốn động-cơ đến gây sự khởi hấn...

Trên tuần-dương-hạm đại-bác cao-xạ hạng nặng 120 li chĩa lên trời. Đồng thời, trên ba chiếc tàu con, súng liên-thanh bốn dòng ghép một 13 li, sáu súng đại-phi-cơ nhào xuống để nhả đạn.

Trên đầu các thủy binh, tiếng động-cơ vang ầm như sấm dậy. Đại-bác cao-xạ và súng liên-thanh bắn lên tới tấp. Những trái bom nặng liệng xuống quanh đoàn tàu, làm cho nước bề bắn tung lên, liến nhò chuyển dòng hòa với tiếng đạn trái-phá và tiếng súng cối-sav a tặc-tặc-tặc như pháo rền...

Cuộc đánh phá không có kết quả vì các tàu chiến bắn lên dữ quá. Hai chiếc phi-cơ sau khi trút hết bom xuống nước, bay vòng lên cao và lần vào trong đám mây mù dày đặc.

Trên boong-tàu, ngàn ngàn những vô-đồng (douilles) -lo, nhỏ chừng ngàn cuộc xung đột vừa qua...

Bắc vĩ tuyến 58 độ
Đông kinh tuyến 163 độ
Gần Bắc-cực...

Trong bàn không khí tịch-mịch, nạm-đội lướt trên mặt nước, trong màn sương như trong một giấc mơ...

NGUYỄN HUYỀN TÍNH

Bao giờ lần sống chiến tranh sẽ tràn đến Alaska, một cái cầu mà cũng là một bức thành giữa cựu và tân lục-địa?

Hồi cuối năm ngoái, một bức vô-tuyến-điện báo tin rằng con đường bộ từ Alaska đến Hoa-kỳ qua Gia-nã-dại vừa hoàn-thành và đã bắt đầu cho xe cộ qua lại. Tin đó lại nói đường này sẽ đi được suốt năm và đã có hàng ngàn ca-mi-ông chở các chiến-cụ cần dùng cho cuộc phòng-thủ xứ Alaska từ Hoa-kỳ sang. Nhờ có con đường bộ đó mà từ nay các tàu bè dùng trên đường vận tải Hoa-kỳ - Alaska đều có thể đem ra dùng vào việc khác được. Trước tin đó nhiều lần ta đã thấy các đại-vô-tuyến-điện chủ-đây một cách đặc biệt đến miền Alaska là miền trước kia bị người ta bỏ quên không mấy khi nói đến.

Ta thử xem vì sao, với cuộc chiến-tranh ngày nay, Alaska lại có địa-vị trọng-yếu như thế.

Nếu người ta xét rằng vị trí bán-đảo Alaska thuộc Mỹ ở ngay gần bờ phía Bắc Thái-



Ảnh Đông-Á tuần báo Aloutiennes đã đầu hàng quân Nhật và không hề bắn một phát súng nào. Nhờ thế đã rõ quân Nhật đã đánh một cách bất ngờ nên bên địch guy tay không kịp.

Trước đây hai lần sống người đã tràn đến cái bán đảo mùa đông đầy băng tuyết và mùa hè nóng như thiêu đốt đó để tìm lòng súc vật và vàng bạc - Một-con đường dài hơn 2000 cây số đã nối liền Alaska với Hoa-kỳ qua Gia-nã-dại.

chiến trên đảo Attu, thiết tưởng chúng ta cũng nên biết đến miền Bắc Mỹ-châu chỉ cách Á-châu bằng một cái eo biển rộng độ 90 cây số mà người ta có thể đi bộ vượt qua được. Lịch sử và vị trí xứ Ala-ka

biên dương và làm cho Hoa-kỳ thành một nước láng giềng của Nga - Xô-viết và Nhật; nếu người ta chịu nhận rằng kỹ nghệ hàng-không ngày nay đã rất tiên bộ đã rút ngắn đường đi và khiến nhiều miền ở xa cũng có thể bị liên lạc bằng phi-quân được thì người ta không lấy

Miền Alaska cũng do người Đan-mạch Vitus Bérning tìm ra trong lúc đi thám-hiêm miền bán-đảo Kamtchatka, eo biển Bérning và phía Bắc Thái-bình-dương. Trước hết, miền Alaska là thuộc địa của Nga và trước đây đã có khá người Nga kéo sang đó khai đồng để tìm lòng các súc vật ở miền rét. Nhưng đến năm

Có một đồng bạc mà muốn làm giàu nhanh chóng và lương-thiện thì chỉ có cách là: MUA VÉ XỔ SỐ ĐÔNG-PHÁP

1861 thì Hoa-kỳ điều binh với Nga mua lại đất độ bằng cái giá 38 triệu phật-lãng (so với tiền bây giờ thì độ hơn ngàn triệu quan).

Các nhà thám-hiêm mới tìm thấy nhiều mỏ vàng ở Alaska ngay gần biên-giới xứ Gia-nã-đại. Trong miền Dawson nên mới có hàng ngàn người ở phía Nam kéo đến đây tìm vàng và để làm giàu. Nhiều người trong số đó đã không được vàng lại bị chết đói và chết rét trong miền đầy băng tuyết đó. Hiện nay các mỏ vàng ở Alaska vẫn còn nhưng số người đua nhau đi tìm vàng đã giảm đi nhiều và ngày dần trong xứ Alaska cũng sống về nghề khác như canh-nông, đánh cá và các kỹ-nghệ v.v. cá.

Diện tích xứ Alaska bằng độ 2 lần nước diện tích nước Pháp. Nhưng dân số chỉ có độ 60.000 người. Hồi 1910, lúc người im vang còn thịnh, số dân Alaska cũng chỉ độ 64.000 người. Trong số dân đó chỉ có độ 30.000 người bản xứ về giống Ấn-độ còn lại 3.000 người da trắng. Xứ Alaska ngày nay kuông phải là xứ của những kẻ khai-cứu vàng mạt như thuở xưa, nhưng là một xứ mà ngàn dân đã biết sống về canh-nông và nghề chài lưới. Cuốn phim ảnh của nhà nhiếp ảnh của CHIFFE Chaplin « La route vers l'or » không ai dùng quang cảnh của xứ Alaska nữa. Trong hồi xảy ra nạn khủng-hoàng về canh-nông ở Hoa-

kỳ, chính-phủ nước đó đã trợ-cấp cho nhiều nhà nông lên một trại để khai-khẩn miền Nam xứ Alaska ngay miền giáp giới với xứ Gia-nã-đại. Miền này gọi là « Matanuska » nghĩa đen là đất bùn. Ở đây hiện có hàng trăm nhà nông bắt đầu cuộc khai-khẩn, được chính-phủ cấp cho đất cát, làm cho nhà cửa, và phát cho các nông-khí cần dùng.

Kết quả việc thực dân này đã quá hẳn sự mong-ước của mọi người. Trong bốn tháng mùa hè nóng nực, mặt trời chiếu ánh sáng mỗi ngày đến 20 giờ, những hoa-iman và cây-cối ở miền Bắc Hoa-kỳ đem lên giống ở miền đất bùn đó đến mọc rất chóng và rất tốt. Ví như, các thứ rau giồng ở phía Nam Alaska còn mọc chông hơn các xứ miền Nam đến ba lần, các thứ rau giồng ở đây còn tốt và ngon hơn. Ở Alaska, trong

một năm thì tám tháng là mùa rét và mùa này thì mỗi ngày chỉ thấy mặt trời độ bốn giờ đồng hồ. Khi hàn về mùa đông thì nhiều khi rét từ 20 độ đến 30 độ dưới 0. Nhưng mùa hè thì lại nóng đến 30 hoặc 35 độ trên 0.

Kỹ-nghệ chính trong xứ là nghề đánh cá ở cửa sông Yukon. Nghề đánh cá (phần nhiều là cá saumon) hàng năm thu lợi được độ 8 triệu mỹ kim.

Nghề khai mỏ vàng có lúc đã giảm đi đến một nửa, hiện nay lại tăng thêm nhờ có các thứ máy tối tân. Số vàng xuất sản ở Alaska ngày nay chỉ bằng một phần bảy số vàng của cả nước Hoa-kỳ. Mỏ bạc, mỏ đồng, bạch kim và than hiện khai rất ít.

Tuy rất ít dân nhưng xứ Alaska cũng là một phần tử quan trọng nền kinh-tế Hoa-kỳ. Số hàng nhập-cảng của Alaska mỗi năm có tới

2.000 triệu mỹ kim và số xuất cảng của xứ đó sang Hoa-kỳ cũng có tới 3.000 mỹ kim.

Thủ-đô Alaska là Juneau ở phía nam chỉ có độ 20.000 dân. Cũng như ở các xứ khác thuộc Hoa-kỳ, ở Alaska có rất nhiều ngành hàng: Ở miền rừng núi phía bắc cũng có tới 17 nhà hàng. Ở Alaska hiện đã có độ 1.000 cây số đường xe lửa.

Cuộc phỏng-thủ xứ Alaska

Với một số dân 60.000 người thuộc đủ giống, một địa tịch rộng mênh mông toàn rừng rú hoang vu, cuộc phỏng-thủ xứ Alaska khó lòng mà tổ chức được chu đáo. Trước khi cuộc chiến-tranh Đại đống-Ấ xảy ra thì ở Alaska chỉ có tất cả độ 300 bộ binh đống ở Chilkot và khi-giới chỉ có một khải đại-bác cổ do người Nga bỏ lại.

Ngày nay vì cuộc chiến-tranh đã đến tận cửa Alaska, chắc hẳn là Hoa-kỳ đã tăng thêm cuộc phỏng thủ của xứ đó nhiều.

Mùa hè năm 1940, tổng tư lệnh phi quân Hoa-kỳ đã đến kinh lý đất Alaska, và sau đó đã phái thêm lên đây 764 lính tinh nguyện và 30 sĩ-quan đóng ở Anchorage. Ít lâu sau lại có 3.000 quân và 200 vũ-quan, cả pháo-binh đem đến.

Trước khi đến giữ Alaska, các quân lính Mỹ đã phải luyện tập cho quen với khí rét. Ở xứ đó, lúc nào cũng nhiều gió bão, sương mù và khí hậu rất lạnh.

Vị trí xứ Alaska lại quan hệ cả về mặt thủy. So với Nhật, từ Seattle đến Hoàng-tân đ. qua đảo Aleoutiennes đường dài độ 4.900 hải lý,

nếu đi qua Honolulu và đảo Midway thì đường đó lại dài tới 6.500 hải lý. Người ta còn có thể dùng đường qua Alaska và các đảo Aleoutiennes chia ra từng đoạn, mỗi đoạn không quá 900 hải lý. Nếu phải đi đường Trần-hau cảng (gần Honolulu) thì phải qua những quãng đường dài tới 2.400 hải lý ở giữa đại dương và qua những đảo ở dưới quyền kiểm soát người Nhật, những đảo đó trong lúc chiến tranh là những nơi căn cứ cho phi quân và tàu ngầm. Chet ngày nay Hoa-kỳ muốn tăng-công bằng thủy quân ở phía tây Thái-bình-dương thì ắt là phải lập các nơi căn cứ ở bờ biển Alaska và dọc quần đảo Aleoutiennes.

Về mặt phỏng thủ, thì các nơi căn cứ đó có thể ngăn quân địch đánh hậu tập vào Ma-lan cảng và Trần-châu cảng là hai pháo đài chính của Hoa-kỳ trong Thái-bình-dương. Hoa-kỳ lại có thể dùng phi quân để tuần tiễu ở miền quân sự giữa Seattle-Honolulu và Alaska. Cũng

vì thế đó mà mấy hôm gần đây hải quân Hoa-kỳ phải cố đánh để mong khắc phục lại hai đảo Attu và Kiska đã bị quân Nhật chiếm từ cuối năm ngoái đến nay.

Muốn cho việc giao-thiệp giữa Hoa-kỳ và Alaska được dễ dàng, từ Jun 1940, công-ty bang-không Pan American Airways đã mở một đường hàng-không từ Seattle đến Juneau. Lại có một đường hàng-không nữa nối liền Thái-bình-dương và Alaska từ Juneau đến White Horse, Fairbanks Bethel và Nome.

Từ trước đến nay, Alaska vẫn là cái cầu nối liền giữa tây và cựu lục địa và do cái cầu đó xưa kia người các giống Á-châu đã sang Tân-thế-giới ở đất Mỹ-châu bây giờ. Có lẽ, hàng ngàn vạn năm trước khi ông Kha-luân-bổ tìm ra Tân-thế-giới, đã có những bộ-lạc không ở một chỗ từ các miền đông cổ xứ Tây-bà-lợi-Á tụ họp nhau tại bờ biển Bering rồi qua eo biển Bering sang Alaska, xuống tận các miền nam Mỹ cho đến mũi bờ Terre de feu.

Thế là Alaska đã là cái cầu để cho các bộ lạc di dân từ Á sang Mỹ vậy. Nếu không có cuộc chiến tranh này xảy ra thì cái cầu giữa hai lục địa là xứ Alaska đã thành một nơi trung tâm diêm cho các đường hàng-không giữa các nước Mỹ-châu và Á-châu.

Trái lại, từ Décembre 1941 đến nay, Alaska đã trở nên bức thành để phỏng thủ ở tiền tuyến Mỹ-châu. Cuộc phỏng-thủ xứ đó, hồi chưa xảy ra chiến-tranh chỉ là một vấn đề trên giấy, đến nay đã thực hiện hẳn. Alaska hiện



Quân Nhật đổ bộ ở quần-đảo Aleoutiennes đều đã bị diệt sạch. Trên đây là một đội súng liên-thanh có khí để đi trên tuyết.

Các sách
của Trung-bắc Thư-xã

CÔ TỬ HỒNG
Chuyện dài của Hồng-Phong
giá 120

CƠN QUỶ PHONG LƯU
Chuyện dài của Hồng-Phong
giá 150

TÔI BẠC SAIGON
của Võ xuân Ty — giá 190

GIÁC CƠ ĐEN
giá 95

Mua sách xin viết thư về:
TRUNG-BẮC THƯ-XÃ
36 Bd. Henri d'Orléans-Manot

nay đã là một hàng rào để ngăn cuộc xâm lược từ Alaska sang. Những nhà tìm vàng xưa kia còn ở lại Alaska nay đã giẫy cho quân lính đóng ở đây các phương sách để chi ròi và để chiến đấu dưới một khi-hệ 20, 30 độ dưới 0.

Alaska đã dự bị sẵn sàng để đón tiếp làn sóng người thứ ba, một làn sóng còn dữ dội và tai hại hơn hai làn sóng hòa bình trước.

Con đường ô-lô từ Hoa-kỳ đến Alaska.

Từ trước đến nay một sự khiếm khuyết lớn cho xứ Alaska cả về quân - sự và kinh-lẽ là giữa Hoa-kỳ và xứ đó không có đường bộ nào.

Trước đây độ 100 năm, khi người ta mới bắt đầu tìm thấy vàng ở xứ Colombie thuộc Anh, người ta đã mở ra những đường nhỏ để đi lại. Vì đó mà nảy ra ý kiến xây một con đường lớn giữa Alaska và Hoa-kỳ qua Gia-nã-đại. Các Gia-nã-đại và Hoa-kỳ đều công nhận rằng một con đường như thế rất tiện lợi cho cả hai nước. Nhưng đến khi tính đến số phí tổn về việc mở đường và sửa sang đường đó thì các nước không đồng ý. Hoa-kỳ cho rằng 516 con đường đó ở địa

phận Gia-nã-đại thì nước đó phải chịu 516 phí tổn là phải. Trái lại-Gia-nã-đại lại nói đường ấy chỉ dùng để nối liền Hoa-kỳ với xứ thuộc địa phía Bắc, Gia-nã-đại không phản đối việc mở đường qua đất mình, đã là may, không nên bắt nước đó chịu liên phí tổn nữa mới phải. Chỉ vì vấn đề này mà bao nhiêu năm con đường này không thực hiện được. Mãi đến nay vì sự cần dùng về quân sự, Gia-nã-đại và Hoa-kỳ mới đồng ý và đường mới hoàn thành được. Đường này dài hơn 2.000 cây số.

Trước kia thủ trưởng bộ chiến tranh Hoa-kỳ đã tính làm đường này phải tốn tới 76 triệu mỹ kim và đường chỉ dùng được bốn tháng mùa hè. Đến nay, nhà kỹ-sư Mac Donald de Fairbanks đã nghiên cứu kỹ vấn đề này và tính ra số phí tổn chỉ hết độ 12 triệu mỹ kim mà đường có thể dùng được quanh năm vì đường đi qua những miền mà mùa đông còn ít tuyết hơn cả ở miền Bắc-nước.

76 triệu mỹ kim hàng năm về cuộc phòng-thủ

Từ đầu 1941, người ta mới thấy các nhà cầm quyền Hoa-thịnh-đốn đề ý đến cuộc phòng thủ Alaska. Từ 1942

đến nay thì trong ngân sách Hoa-kỳ hàng năm đã thấy có mục riêng về cuộc phòng thủ Alaska.

Số chi phí về năm 1942 đã lên tới 75 triệu mỹ kim (tính ra theo giá trước khi chiến tranh thì bằng 300 tỉ ệu bạc Đông-dương). Theo chương-trình phòng thủ mà người ta đã bố trí:

1) Một đạo quân phía Bắc sẽ đóng ở Port Richardson. Hiện đã làm các trại cho quân lính ở đây và có 5.000 thợ cùng 4.000 lính làm việc luôn luôn ở đây. Số chi phí khoảng 24 triệu mỹ kim.

2) Trong vịnh Femmes ở đảo Kodiak, lập ra một nơi căn cứ hải quân riêng cho tàu ngầm. Ở đây sẽ có ba đoàn phi cơ phòng pháo đạn luôn luôn.

3) Ở Ha-lan cảng các xưởng sửa tàu hàng sẽ mở rộng thêm. Số chi phí độ 13 triệu mỹ kim.

4) Lập một nơi căn cứ hải và phi-quân ở đảo Japonski gần Sitka phí tổn độ 10 triệu mỹ kim.

5) Ở Laddfield gần Fairbanks lập một trường bay và một nơi huấn luyện phi-quân. Lại dự định lập ở dọc bờ biển Alaska nhiều căn cứ về hải và không quân.

(Xem tiếp trang 33)

NGƯỜI ANH VÀ NƯỚC TA NGÀY XƯA

Từ chủ lái buôn trên bờ đèn đàn chó ngoài biển của ĐÀO TRINH NHẤT

Bước sang đầu thế kỷ XVII, vua chúa nước ta, cả dâng trong và dâng ngoài, cũng có một thời kỳ thi hành chính sách ngoại-giao sáng suốt, mở rộng cửa ngõ cho người các nước Tây-dương qua buôn bán và truyền giáo.

Nhân thế mà các cố đạo người Pháp đem văn-hóa phương tây sang truyền bá cho ta sớm nhất, lại đi tiên-văn, lịch-pháp, y-học, cơ-xảo, lại vì ta sửa sang quốc-ngữ thành ra một thứ văn-tự phổ thông quý hóa như ngày nay, những công nghiệp ấy còn ghi chép mãi trong trí nhớ chúng ta bằng thứ mực biết ơn, không khi nào phai.

Người Anh đặt chân vào đất nước ta cũng xấp xỉ vào khoảng ấy.

Song mục đích họ đến chỉ vì mối lợi buôn bán, không có tôn-chỉ cao thượng như người các nước Tây-dương khác, tức như người Pháp, còn có mục đích trao đổi văn-hóa.

Bởi vậy, một nhà văn Tàu đã nhận xét rất đúng: cuộc giao thông giữa hai bán-cầu đồng dạng: thủy hơn ba trăm năm trước, riêng với người Anh, chỉ tóm lại có hai chữ giao-dịch (commerce) theo nghĩa nhà buôn, chứ không có nghĩa giao-dịch ánh sáng (commerce de lumieres) của nhà triết-học Leibniz nước Đức.

Thật thế, buổi đầu họ đến nước Nam hay xứ nào quanh vùng Đông-á cũng vậy, chẳng có chủ tâm gì khác hơn là đi buôn thủ lợi.

Đường thủy xứ ta có hai nơi tụ tập ngoại thương đông đảo: một là Phố Hội-an ở Quảng-nam, tức Faifoo ngày nay, vẫn là thành-thị trọng yếu ở giữa Trung-kỳ; hai là Phố-Hiến-nghê Bắc ta, gần tỉnh-lỵ Hưng-yên, nhưng thời-gian đã bồi sạt đi u vết.

Thương cảng trên sông xưa chỉ là một làng nhỏ ở gần bờ, hồi chúa Nguyễn Hoàng vào trấn Quảng-nam, bày ra cuộc chợ phiên mỗi năm cho thuyền buôn ngoại-quốc - nhiều nhất là Trung-hoa và Nhật-bản - đến họp buôn bán để ta hưởng lợi thu thuế.

Nhưng họ chỉ lựa vào kỳ sông gió thuận tiện, mỗi năm đến một độ chừng vài bốn tháng, mua bán xong thì đi; làng nhỏ của ta lại trở về cảnh tiêu-diêu vắng vẻ như cũ. Lâu dần

chứa Nguyễn mới nghĩ sự mở mang phường phố buôn bán lâu dài tại đó, riêng cho ngoại-thương. Lúc đầu, toàn là cửa hiệu Tàu và Nhật, sau mới có người Tây-dương đến lập tiệm, nhất là người Hòa-lan, người Bồ-đào-nha. Rồi đến người Anh do công-ty Ấn-độ phái qua.

Có lẽ thương-nghiệp của người Anh tại Hội-an không kinh-doanh phát đạt cho bằng các người Tây-dương khác. Trên bờ, họ chỉ đặt một sở đại-lý chuyên việc mua buôn bán cất và có thương-thuyền đi đi về về, cuộc giao-dịch trọng ở đại-tôn hơn là bán lẻ. Chắc hẳn tại đây trong xứ ta thuở ấy vừa bắt đầu khai-thác, gọi là sản vật không có gì nhiều mà sức tiên-thụ của người mình cũng kém.

Trái lại ở Phố Hiến thì hình như người Anh chen vào thích cạnh với các nhà buôn Pháp, Hòa-lan, Bồ-đào-nha; họ cạnh tranh nhau mở cửa hàng của hiệu, buôn bán phồn-thịnh, làm cho Phố Hiến trở nên thành thị vừa lớn vừa vui, đứng vào thứ nhì xứ Bắc. Sự sách ta chép thành thị này tự họ ngoại-thương có đến vài ba nghìn cửa nhà.

Thời-dại Nam Bắc chiến tranh ở nước ta, chúa Trịnh và chúa Nguyễn đều muốn lựa chọn thuận thiên một nước Tây-dương, dựa vào thế-lực họ cho được mạnh sức chiến đấu của mình. Nói rõ hơn, nhà cầm quyền ở ngoài cũng như đang trong, cùng có ý nhắm đăm thương-nhân để kết-giao một nước Tây-dương, mua, khi-giờ của họ và nhờ họ đó là nội-tình bên địch họ mình luôn thế. Vì nhiều người có quyền-lợi buôn bán và thuyền bè đi lại cả sang-trong lẫn sang ngoài. Thứ thời, ba nước mạnh nhất về thương-thuyền hoặc thủy-sư, là Bồ-đào-nha, Y-pa nhỏ,

ĐÃ CÓ BẢN:

Đời bí mật của con kiến

của Phạm-văn-Giáo già Op50 Ái tình, triết-lý và chính-trị trong một xã-hội Sâu Kiến

Thư từ đề cho ông NGUYỄN VĂN TRỢ giám-đốc nhà xuất-bản SÁNG, 46 Quai Clémenceau - Hanoi

GIÁC QUAN THỨ SÁU

của Ngọc-Huyền, giá Op40. Có những đốm ánh sáng người sống và người chết. Có sự quý hiếm lên bán này. Có những hồn thần đồng lên sâu tuột. Có những tư-phức thủy đại tại. Vì sao? Vì có giác quan thứ sáu.

Ter Juin phát hành:

Cò Thúy

tiền inhuýt được giá! thương khuyến khích văn chương Tự Lực Văn-Đoàn năm 1935 của NGUYỄN KIẾM MẮM. Sách dày 400 trang in trên giấy bán tết. Bìa màu đỏ bìa cũ Lưu văn Sơn trình bày. Giá 3p20

Làm cho các nòi giống và các giai cấp đoàn kết với nhau, đó là một khẩu hiệu của Đại-Pháp

Hòa-lan; nhân đây có địa-vị tiên-phong và trọng yếu nhất ở phương-dông.

Nhưng chúa Nguyễn muốn lợi-dụng thương-nhân Bồ-đào-nhà, họ họ từ chối, không muốn can thiệp xa gần đến nội-chiến nước ta; còn người Hòa-lan thì bắt cả hai tay, choi thủ-đoạn sớm Sở-chiến Tân ở giữa chúa Trịnh và chúa Nguyễn, rồi cùng bị hai đảng ngờ vực, chán ghét. Thương nghiệp của người Bồ-Hòa ở đây, vì thế, đều bị ảnh-hưởng tai hại, đến nỗi họ không thể buôn bán ở xứ ta được nữa; cả hai cùng phải đem bỏ của tiệm, ngả mũ chào nước Việt-nam mà đi. Duy người Anh vẫn buôn bán yên ổn, tuy không thịnh-vượng phát đạt như ở nơi khác, nhưng đối với nhà đương-cuộc bản xứ chẳng có điều gì xích mích. Thương-thuyền kéo có Anh thường ra vào hải-cảng ta luôn.

Sự phân biệt ấy tại đâu? Có lẽ tại người Anh đến xứ ta thuở ấy chỉ chăm chú về việc kinh-lã thương-mại, chưa có dụng tâm hay xa-vọng gì khác. Về lại nước Anh hồi thập-lục, thập thất thế-kỷ chưa mạnh về hải-quân thương-thuyền như sau này, tự-nhiên chưa có địa-vị trọng yếu trên trường quốc-tế, cho nên họ Nguyễn họ Trịnh chẳng ai cầu thân hay cậy việc, tức thì không có chuyện chi xảy đến xung đột như với người Bồ-Hòa kia chẳng?

Từ giữa thế kỷ XVII trở đi, việc thương-mại của người hai nước Bồ-Hòa đã hầu như thất bại hẳn ở xứ Việt-nam và không có một chiếc thuyền buôn nào của họ thả neo hay buôn ở cửa Đả-năng hay vịnh sông Nhị-hà như trước nữa, nhưng thuyền-buôn Anh vẫn thường đến, các hải-cảng ta thường có dấu chân thương-gia Anh tới lui vì việc mậu dịch. Tuy họ không đạt mục-dịch muốn cùng ta ký kết Anh-Việt-thương-giới một cách chính thức, nhưng cuộc đi lại buôn bán của họ không vì sự bất thành công ấy mà phải đoạn tuyệt.

Vì dụ năm 1672, dưới triều vua Hy-lân nhà Lê, một người Anh, đại-biên của Công-ty Ấn-độ, đi chiếc tàu Zang đến Bắc-hà, ngỏ ý muốn điều-đinh việc ký-thương ước. Chúa Trịnh choi từ chuyện ấy, nhưng của lòng đã người Anh đến xứ Bắc-buôn bán thông thả.

Sau lúc đó, ít nhiều thương-gia Anh thường ra vào sông Nhị-hà và mở hiệu ở Phố-Hiến kinh doanh thương nghiệp hơn hai chục năm mới thôi, vì có không được phát đạt như ý.

Năm 1695, một nhà buôn Anh là Thomas Bowyear chở nhiều hàng hóa đến Hội-an. Xem tập nhật ký ông ta để lại, thấy chép nhiều việc kiến-vấn lý-thủ, quan hệ về lịch sử nước Nam, cả về trận thủy-chiến năm 1644 giữa ta với Hòa-lan mà ta đại-thắng — trận thủy-chiến hào này đã thuật chuyện trong một số năm ngoài.

Trong khi có những thương-gia Anh đến nước ta buôn bán đại-khai như thế, lại có bọn hải-tặc Anh thỉnh thoảng tới quấy nhiễu bờ biển ta. Cố-nhiên, sự hành-vi của mỗi hạng có chỗ thiện ác không giống nhau, nhưng đến số nguyên riêng, thì cả hai cùng không đạt tới mục-dịch.

Chúng tôi muốn nói thương-nghiệp họ kinh doanh ở đất nước này chẳng được mở mang như ý, cũng như dân hải-tặc họ mỗi lần tới phá cướp đều bị quân sĩ ta đánh lui.

Ít nhất cũng thấy trong sử ghi, chép hai chuyện.

Một chuyện về năm thứ 28 của chúa Nguyễn Hoàng, tây-lịch năm 1593, có tên tướng giặc Bồ, người Tây-dương, hiệu là Hiền-quý, đem năm chiếc thuyền to, vào đậu trong cửa Việt-hải, rồi lên bờ cướp bóc dân cư chung quanh. Chúa Nguyễn Hoàng sai người con thứ sáu (về sau nối ngôi tức là chúa Sãi) thống-xuất mười chiếc chiến-thuyền vào đánh, phá tan được hai chiếc thuyền của giặc; Hiền-quý sợ chạy. Chạy kén con anh hùng can-đảm. Từ đó hải-tặc im hơi vắng bóng.

Theo sách «Đại nam thực lục», bọn hải-tặc ấy tên kinh người làm đầu mà đặt hiệu là Hiền-quý, chứ Hiền-quý không phải chính thật tên người. Sách cũng không chép rõ bọn hải-tặc là người một nước nào ở Tây-dương, nhưng chúng ta có thể đoán định họ là người Anh mà không xa sự thực.

Tới đây chúng ta đi tìm tung tích và hành động của tụi «Chó bẻ» thì biết.

«Chó bẻ» ở đâu?

Chỉ quanh quần ở ngoài bờ xứ ta.

ĐÀO TRINH NHẤT

KỶ SAU: Đại-tướng Trương Phúc Phan đánh đuổi 200 quân giặc Anh-là trên đảo Côn-lôn

LE-VAN KHÔI

LỊCH-SỬ TIỂU-THUYẾT CỦA HỒNG-PHONG

(Tiếp theo)

Địa-vị thành Phiên-an đã tạm thời yên ổn, cả mặt thủy lẫn mặt bộ, không lo quân Triều có thể lập công thỉnh lịch; Khôi yếu tâm nghĩ đến việc tổ-chức chính-phủ, cho được danh chính ngôn thuận trước mặt dân-chúng Lạc-châu, và chính-bị vô-lực mở mang bờ cõi, đi tới chỗ mục-dịch đã sắp đặt trong trí.

Mục-dịch ấy là chiếm cả toàn hạt Nam-kỳ, lập thành một nước riêng, chứ không phải một tỉnh Gia-định mà lấy làm mãn-túc.

Bởi vậy, Khôi cần thu phục nhân-tâm, tăng thêm lực lượng.

Khôi treo bảng mộ binh, trong ba ngày đã có sáu bảy nghìn người ra đầu quân, mà quá nửa là dân có đạo ở quanh miền Gia-dịnh.

Nhưng còn những quan lại, quân dân cũng cần phải chiêu phục.

Hôm trước, quan lại văn võ trong thành, thấy cuộc biến-loạn phát ra thẳng-thối, kéo nhau chạy trốn ra ngoài rất nhiều. Ai nấy chỉ lo lẩn thoát lấy thân, trong lòng tiếc rẻ của cải vật-dụng chẳng kịp đem theo, eam bằng mất sạch với quân giặc.

Sau họ nghe cửa nhà tại-sản họ để lại trong thành, đều được quân giặc tôn trọng và niêm phong gìn giữ từ tể, tờ hào không phạm đến; lại thấy Khôi rao truyền khuyến nhủ họ về, sẽ được trọng-dụng. Những người tị-tang với triều-đình thì bỏ đi luôn, không kể gì về con an nguy, tài sản còn mất.

Song còn nhiều người tùy thế lập danh, non sông thanh-quách về ai làm chủ cũng được, miễn họ có thể nương dựa để cầu lấy công danh phú quý thì thôi; những người ấy lợc lợc trở về hai ba hôm nay, không phải số ít.

Trong bọn trở về rất sớm, có Thái-công-Triển là một.

Thái-công-Triển, người Thừa-thiên, làm Chánh-vệ đạo binh Tả-bảo, tức là một trong hai đạo binh Thuận-Quảng, do triều-đình sai vào đồn-trụ ở thành Phiên-an. Tính người tập nảo, gian-ác, trong quân nhiều kẻ không phục, trước nhất là đội-trưởng Nguyễn-Kiến. Đêm hôm 18, khi thấy bọn Khôi nổi loạn, Công-Triển vùng dậy vào trại hộ quân, nhưng chỉ có mấy chục người thân tín chịu nghe lệnh, còn thì không ai nhúc-nhích, vì đã bị Nguyễn-Kiến cảm dỗ, nhất-dịnh bất-can-thiệp, lại còn lập làm theo giặc là khác. Biết sự thế nguy hiểm, Công-Triển không kịp nghĩ đến vợ con và một cô út-thiếp ở nhà, vội vàng cõng ngựa thoát ra cửa thành chạy lên Hóc-môn ẩn nấp.

Khôi sai người báo vợ con Công-Triển thông tin cho Công-Triển về, sẽ dễ dàng cho một chức quyền trọng yếu; bằng không thì coi thì chẳng những gia-quyền không còn mà chính bản thân cũng không khỏi truy-nã làm tội. Vì chỗ Công-Triển đang ẩn-nấp đã lọt vào trọng phạm-vi thế-lực của ngai-quân, trừ ra Công-Triển mọc cánh mới bay đi được. «Thượn ta thì sống, trái ta thì chết», Khôi bắn tin với Công-Triển như thế.

Vì thương vợ con, vì tiếc có ái-hiếp trẻ tuổi và nhan sắc như hoa như mộng, vì ham cả một công danh phú quý, chức trọng quyền cao, còn hơn ở với triều-đình chắc hẳn già đời ở ngôi chánh-vệ, Công-Triển vội vàng trở về. Trong tâm-tâm của đại-tiên-nhân này, trở về lại còn một dụng-ý bất cả hai tay, vừa theo giặc để hưởng phú quý, vừa để in hư thực của giặc để làm phản sau này, lấy chỗ gỡ mình chuộc tội đối với triều-đình.

Thống-chế Pétain đã nói:

«Nhờ có bại trận mà mới đồng-tâm của quốc-gia được thiết lập; chúng ta về đi quay quần về tìm sự bất-vệ chung. Sự gần gũi đó, ẩn chỉ là hy-nhiên, là hy-vọng nâng đỡ nhau trong cuộc thực-hành. Nhưng quốc-gia cách-mệnh của phải cho sự thống-nhiệt của nước thép».

Nhưng trong nghĩa-quân chẳng phải không có người hiền rõ tâm-thuật Công-Triều.

Đặng-Vinh-Ưng đã nói riêng với Khôi :

— Thằng cha ấy trước mặt người ta thì làm bộ cung kính, rút cổ xo vai, nhưng sau lưng thì bay nói thâm-liền trộm, rõ ràng là đùa phỉnh-phức tiểu-nhân, việc gì mình phải ăn-cắn với nó làm thế ?

— Một khi mình nắm chặt trong tay, còn sợ gì nó phản ! Khôi trả lời vẫn tait.

Kỷ thật, nhân - cách
Thái - công
Triều ra sao,
Khôi đã thừa
biết; nhưng
tiếc là người
có tài, và lại
có ít nhiều
thanh - vọng

đối với những đội quân triều đôn-trứ rải rác các lãh, Khôi muốn lợi-dụng Công-Triều cốt vì chỗ ấy.

Buổi chiều 22, Khôi mở cuộc đại-hội quan-dân tướng-sĩ, Nghị-sư-đường-treo đèn kết lá, bài biện long-dinh hương-án, tàn lộng, cờ quạt, rất là nghi vệ; quân lính mặc toàn sắc-phục mới, cầm binh-khi sáng choang, đứng dàn, hầu vòng trong vòng ngoài. Cả chức-việc các làng tổng trong hạt đều được lệnh vào đến dự hội; dân cũng được vào xem. Người ta nói từ lúc vua Gia-long dời triều-dinh ra Phú-xuân, thành Gia-dinh chưa thấy có lễ-nghi nào tồn nghiệm như thế.

Trước hết, Khôi mũ áo chỉnh tề, bước vào chiến giữa, làm lễ tế cáo trời đất, tự lĩnh chức Bình-Nam đại nguyên-soái, tổng lãnh nhất-thiết quân-cơ, chinh-sự. Các quan-viên vẫn vô cùng bài bản hành lễ, rồi để lên tay Khôi một thanh kiếm vàng, một quả ấn vàng có khắc tám chữ « Bình Nam đại-nguyên-sái Lê chi ấn » và một lá cờ « tướng-lệnh »; tướng-sĩ và các quan văn lẫn cù-



chi ấy tỏ lòng mình tôn-phu tông phục. Đoga, bước lên thêm cao, đứng ngảnh mặt trở ra, Khôi nói rất hùng-dương :

— « Tam quân tướng-sĩ cùng các quan-viên chức dịch, hãy lắng lạng nghe ta phân trần... »

Mấy nghìn người đang lao xao, bỗng đứng im bất, hầu như không có một tiếng động dậy, nín cả hơi thở. Giữa khoảng im lặng, tiếng Khôi vang như gõ chuông, quân dân chen chúc ò ngoài cổng lớn cũng nghe rõ:

— « Ta cũng tướng-sĩ phải ra tay trừng trị lũ Bạch-xuân Nguyên, chiếm thành « Phiến-an, và nay mai tất cả Lục-châu, « không phải vì hiệu danh vụ lợi gì đâu, chỉ là vì dân vì nước. »

« Thật thế, vì nước vì dân trừ tàn khố bạo. « Vì ngược vì dân mưu cầu một cuộc hạnh phúc yên vui mới. »

« Cũng không phải ta chống chọi với nhà « Nguyễn. »

« Nhưng nói cho đáng, theo ý muốn am- « thắm của nhân dân Lục-châu, bắt binh và « chống chọi triều-dinh Minh-mạng. »

« Vì sao ? »

« Lê Thương-công là người có đại-công « sáng-lập nhà Nguyễn, cho nên được tiên-đề « tin cậy yêu-mến, phủ thác cả phân-dân thờ « địa miên nam, mà Thương-công săn-sóc « mở mang tui mười mấy năm, nhân-dân « đều được yên vui nhờ cậy. Tui lại, ngày « đây công với nước, có ơn với dân, chứ có « tội gì ? Thế mà Minh-mạng nghe lời iểu- « nhân, Thương-công vừa mới nhắm mắt, « liền vô ơn đại chuyển, định hời nhọ « công- « linh ngại và làm tội cho đến thân-thuộc, « họ-ha, thật là tàn-nhân vô-dạo. »

« Ấy là chưa kể đến những mối tệ-hại, nê « là tham quan ô-lai bóc-lột lương-dân, nào « là thuế nặng suất cao làm nghèo bá-tánh, « lại còn dân lương dân giáo sinh ra ngờ vực « chêm giết lẫn nhau, cũng tự Minh-mạng « gây nên, khiến dân chẳng được an-cư lạc- « nghiệp. Các người thử nhớ hồi tiền-đề còn « tại-vị, tình-cảnh nhân-dân dân có khổ thế. »

« Ta biết dân-tam bắt binh làm, khôn « nhưng họ không bết bắt vì bằng cách-mào ! »

« Ta đây là tiếng kêu của họ, là cánh tay « của họ. Hồi chư tướng-sĩ quan dân ! các « người nên hiểu rõ lòng ta như thế !... »

Khôi nói rần-rối thông-thiết quá, làm cho mấy nghìn người đứng nghe, dù phục bay không phục, cũng phải chạnh lòng và cảm-động. Trong ấy không thiếu gì quan-lại của triều-dinh, nhưng chẳng ai dám ho-ho một tiếng, cả Thái-công Triều vốn người thác-mã cũng nín thin-thít. Nói ra, nếu phản-đối thì chết ngay với giặc, dù có mấy đầu cũng chẳng còn; mà tẩn-thành thì e mai sau đắc tội với triều-dinh. Duy có bọn tướng-sĩ và thứ-dân, công-nhiên hờ hững :

— Đại-nguyên-soái cho thế an dân, chúng tôi sẽ tẩn-thành tuân-lệnh đến cùng, sống chết không quẩn !

Khôi hát hăm và nói :
— « Rõ ràng nhân-tâm ô dân tức là thiên- « mạng ở đó. Nhưng ta nói để các người biết « rằng công việc sáng-khởi nhất sơ, thì ta « tạm cầm quyền-bính thế thôi; nay mai sẽ « có một người mà ta cũng các người đều « phải tôn-phu, tuân-lệnh... »

— A ? Người ấy là ai ? mấy trăm tiếng cùng hỏi một cách sùng-sốt.

— « Ấy là đức hoàng-tôn Thái-bình, con « trưởng của tiên hoàng-thái-tử Cảnh, ngày « trước Thương-công ta đã xin tiên-đề cho « đem về Gia-dinh nuôi và lĩnh trách- « nhiệm giáo-dục. Sau Thương-công ta « phủ thác một người bạn Pháp đưa hoàng- « tôn sang du-học bên tây. Hiện ngài đã « trưởng-thành và học thông-thái-lâm; chính « ngài là linh-hồn việc ngi-Ta-cử này, chỉ « trong nay mai ngài trở về làm vua ô Lục- « châu, chừng ấy địa-vị và quyền-bính là « tạm lẩn đây sẽ dâng nộp về tay ngài, tất « cả chúng ta phải hết lòng tôn-phu... nghe ! »

Cả mấy nghìn-tiếng đồng thời tung-bỏ :

— Hoàng-tôn điện-hạ vạn tuế !

(còn nữa)
HỒNG PHONG

NHỚ ĐỢI MUA TẠI NHẬP CÁC TIỆM SÁCH
LỚN HAI CUỐN SÁCH MỚI RẤT GIÁ TRỊ

TRĂNG SĨ VÔ DANH

của HẢI-BĂNG viết theo tài liệu của tự Nhà Giáp - Công-tước Cần Vương lớn lao xảy ra cuối đời nhà Trần do Hồ Bá Kỳ cầm đầu, hội tập lực lượng giữ gìn cho hết thảy mọi người Việt-Nam muốn nhìn lên những đấng vĩ nhân liệt của Quốc-sử. Tập do Hai Bằng tác giả học 10 phụ-tiểu, thuyết minh từng viết. Các giá trị thực vô cùng - Sách in rất công phu, 20 trang, bọc bìa cứng, (Sách in có bìa)

MỘT THỜI OANH LIỆT

truyện kỳ về cuộc đời của THẦN-VÂN-KHAI viết và hoạt động ở 1907 và 2, 1910

Đã sắp hết cả 3 cuốn sách
trình thám :

- 1) CHIẾC HỘP SẮT VÀ QUÂN MANG NGƯỜI của Ngọc-Cầm giá 1900.
- 2) SỰ BÍ MẬT CỦA HANG THÀNH CỎ: của Trần Văn-Quy giá 070.
- 3) 30 QUÂN Ô HỒN BÀ của Trần Văn-Quy giá 070.

Hãy ra gần 10 chữ 2000, Hồ-cát-lô-guê làm timbre 060.

A-CHAU XUẤT-BÁN
17 Baitie Nolly Hanoi - Tel. 1260

Cần đại-lý thuốc Nhật TÔNG TỈNH, PHỦ, HUYỆN, CHÂU QUẬN

xin biên thư về thương lượng ngay với hãng chính : n° 80 rue des Médicaments, Hanoi.
(M. Đức Thắng) điều kiện rõ ràng - không phải ký quỹ - bán chạy nhiều lời.

NHỎ

Truyện ngắn của LÊ TAM-KÍNH

Dưới mái nhà tranh, mùi phân tươi nồng xông lên mũi. Đất trần cứng như đá, lạnh như đồng. Phần là nhà, phần nhờ con nó đứng lên, nằm xuống, thao thức không sao ngủ được. Nó buốt miệng kêu lên mấy tiếng dài, phá tan yên lặng của đêm khuya. Bỗng ở chuồng bò bên cạnh, rống lên một tiếng rạt to: « Cầm mồm đi, cho người ta ngủ với chứ. Tức thì, gà vịt chơang dậy, lao xao hỏi nhau: « Cái gì thế? Cái gì thế? Trơm à? Cáo à? Trời ơ, anh Vàng đâu? anh Vàng đâu? » Vàng lạnh lẽo chạy tới quát: « Sao mà ồn thế, hử? » Tiếng lao xao im bặt, trong khi bò thông-hả trả lời: « Khó quá, tôi đương ngon giấc, cái con ranch kia nó ré tướng lên. Tức quá, tôi mắng cho mồm cáo, chó có gì dân là... »

— À ra thế! À ra thế! Con quỷ, con yêu, làm chúng mình hết vía.

— Im ngay! Chớ nghiêm giọng truyền lệnh cho dân có mồm, và ồn to lên nữa đó!

— Thôi, anh Mộng cổ ngủ đi, mai còn phải ra đồng sớm. Nhớ con, nó là nhà, nên mới thế, chớ nó không có ý muốn phá rầy anh đâu, đừng giận nó, tội nghiệp. Và chị Vàng này, tôi bèn từ chối căn chỉ rồi đấy, nằm yên mà nghĩ, kéo chửa cả sữa!

Nó là một con dê cái, mình chơang chiếc áo lông đen, và mấy đốm trắng ở vai, ở cổ và ở bụng. Nó sinh trưởng tại một làng nhỏ, gần vài chục nóc nhà tranh, rải rác dưới chân một ngọn đồi thấp, rậm một đám rừng thưa. Những buổi mai nắng ráo, đầy giọng chim hót, suối reo, nó cũng chơang bận ục ục kéo nhau vào rừng ở đó, cỏ mọc xanh um, lộc đâm tua tủa hai bên lối đi, vừa tìm vừa lượm. Dưới sự giữ gìn lông lẻo của lũ mục-dỗng mồm chơi, chúng vừa ăn, vừa cựa, nháy-nháy tung-tăng, gọi nhau ăn-l. Những cặp nhàn-tịch nhè-nhảnh đùa nhau dưới lùm cây rợp, bên lâu suối trong. Cuộc đời vô tư-lạ và đầy thú-vị ấy, nó đã chung sống với bạn bè, với người yêu. Người yêu của nó là anh Xôm, có một bộ râu phong-phu, một tâm thần vạm-vỡ và một cặp sừng chơang cặp,

khuyết phục được cái chủ đề buơng bình trong lòng. Vừa rồi nó sinh con so, hai đứa con bành bạc, mập mạp, cẳng lông là xôm xôm như bố chúng. Nó sung sướng quá, quên cả mùa xuân vừa qua, quên cả anh Xôm thân ái. Nó chỉ biết có con; rồi từ giờ, không đùa-nguịch, không là-lơi như trước; nó chọn thứ lóe-thật non, thứ cò, thật béo ắn để luôn luôn có sữa tốt nuôi con.

Thì sáng nay, một tai nạn bất-ngờ xảy ra: Khi mặt trời nhỏ khỏi núi xa, gieo ánh vàng êm xuống đỉnh đồi quen thuộc, dân dè Anh Ngộ dần nhận đi ăn, chân nhảy, miệng be, vai vể như ngày thường. Trong cái chuồng riêng của mẹ con nó, và ngưỡng đầu nhĩa qua rặng cỏ, chớ chủ từ mới của là chạy ra.

Nhưng, lạ chưa! Bận hươu đã khuất sau chòm cây, tiếng gọi nhau không còn nghe nữa, mà chuồng vẫn đóng chặt, và anh Ngộ thì quây sọt, xách lằm, lẳng-lặng vào rừng. Anh đi bứt lộc, nó biết thế. Nhưng hôm nay, nó không ốm đau gì, nó để dây dề mạnh mẽ rồi kia mà! Sao anh ấy lại nhốt nó ở nhà, lại đi hái lộc như những hôm nó cầm, hoặc nường ngày còn nằm trong đó. Nó đang phân vân suy nghĩ thì chủ nó đã về, đặt gánh ở sân, rồi trước mặt nó những ngọn lộc non còn tươi mon-môn. Thấy món ăn ngon lành, nó sức nhớ rằng từ sáng tới giờ chưa được hột gì vào bụng. Nó cúi xuống, nhai những lá mềm, quên cả sự bận khoăn lúc nãy.

Quả-đưa, khi nó ăn xong, Anh Ngộ lại gần chuồng, đầu chỉ khấn mở riu, mình mẩy áo thâm đất như những hôm « đi giỗ ». Anh cầm một sợi dây dề mới bện, luồn dài qua nách phải nó, bắt treo sang vai, trái cột nút lại, đoạn mở cửa, kéo nó ra. Con nó tụt vủ, khóc thét lên, vội vàng chạy theo mẹ. Nhưng chị Ngộ lau chùi, cắn lại, hông chúng bò vào hồ không.

— Tức quá, hổ hân nhĩ.

Ngộ ngắt lời vơ:

— Thì biết làm thế nào? Mình còn nhờ vả người ta nhiên, một con chủ cả dân cùn.

phải để kia mà! Và lại con nó gần đầy tháng đã mạnh lắm rồi, không cần đất mà sơ.

Rút lời, anh kéo thẳng sợi dây.

Mang mang hiểu rằng sẽ phải xa con, nó chụm bốn chân lại bém mồm xuống đất, không chịu đi. Sợi dây dề mồm, của mạnh vào vai, vào nách nó, gần đứt cả da thịt, nhưng nó vẫn cố lý, cố quay cổ lại gọi con. Con nó lợc dạc trong hồ, kiêu kiêu ra, kêu thét thanh. Đến thế, Ngộ quặt trở ra, rồi cái roi treo dề đất ở mái nhà, vạt mạnh vào mồm nó. Lần này thì không chịu nổi sự đau đớn nữa, nó riào lên, nhảy về đằng trước. Thật là một cảnh chia phối rổn rộ mà người đời không thể thấu hết nổi lắm li. Như người mất hồn, nó theo lối mòn tiến bước. Chờ nó đi sau, một tay cầm dây sai khiến, kéo sang phải, trái sang trái, một tay cầm roi đánh mạnh vào hông nó. Nó đi mãi, đi mãi, vừa đi vừa khóc, bước thấp bước cao. Tiếng của con nó mỗi lúc một nhỏ, rồi tắt hẳn. Sau mấy lần pồn khúc bém-nhàng đám sậy, chồm lên, con đường rộng dần, chạy qua một cánh đồng mông mênh, dẫn tới một làng sầm uất. Một cái cổng ngói hiện ra giữa một bờ tre cao và dài. Nhận thêm một ngọn roi nữa, nó rụt rế bước qua cửa cổng. Một tràng gấu gấu nổi lên. Mọi người con trai, trạc chừng mười bốn, mười lăm tuổi, rí mắt râu râu, chạy ra đánh chó:

— À anh Ngộ, anh đã để tôi đấy à? Con dê xinh nhĩ.

— Chớ anh, bém sọc cậu không đi học à?

— Bầm bà, tối lắm rồi. Nó mới học đi lần đầu, nên sợ rất nhiều, rất hồ, vào chơang mạnh lắm.

Một ng cười héo lợt trên cặp môi tái mét:

Đấy là một khu vườn rộng, có lũy tre liên-cổ vây quanh. Hai cái nhà ngói đồ sộ đứng thành góc thước thợ ở hai mép sân gạch lớn. Ngồi sân gạch, một sân đất rộng, bằng phẳng chạy thẳng tới vườn cau, nham sát ao rau muống. Ở góc vườn, một đồng rơm to sồ-sồ. Đứng sừng-sững bên một cái nhà tranh thấp, nhưng có cửa vòm, lướng gách chắc chắn.

Anh Ngộ cột nó vào rặng chuồng bò, cạnh chuồng gà vịt. Nó ngo ngắc nhìn quanh không hiểu người ta đem nó tới chốn xê lẹ này để làm gì. Tiếng loạt quẹt trên sân gạch đưa vào tai nó, kéo mồm nó về phía cửa. Hai người bước vào: người con trai lười nhay và một người đàn bà, lưng-không trên đôi guốc cũ. Ở làng nó, nhiều người nghèo khổ, làm ăn lam-lổ, nhưng nó chưa thấy ai gầy-gò và xanh-xao hằng. Người bà nhớ tộp, ngón tay lang-nhàng như cang của. Mọi cái khác đều và đầy quố nhiều vòng lằm cái cổ to còm lên, nhưng cẳng và thế mà cái tâm đã nhọn lại càng nhọn hoắt. Da mặt xanh lợt như màu lá non, cẳng thẳng trên lưng quỳn nhỏ cao, chùng lại hai bên má cọt. Thoạt tiên, nó tưởng là một bộ xương m quắn sọ. Bà khế cái xuống, ngậm rồ bấp cặp mắt sâu hoắm, và chắc rằng cứ-chỉ khiến bà một quạ, nên bà ôm ngực h su. Một lát sau, bà hỏi Ngộ với một khàn khàn: « Nó có ít sữa không à? »

— Bầm bà, tối lắm rồi. Nó mới học đi lần đầu, nên sợ rất nhiều, rất hồ, vào chơang mạnh lắm.

Một ng cười héo lợt trên cặp môi tái mét:



« Thế thì tôi! A mà nó thích ăn gì? »
 — Có lộc non, có món thì càng hay, không thì đây lang, hoặc khoai khô cũng được.
 — Khoai khô thì đây thiếu gì. Nguyên, vào xúc cho nó một mùng.
 Nó xong, hình như đã đuối sức, bà ho thêm một hồi nữa, rồi quay gót trở vào, đi không vững, phải tựa vào vai Ngô.
 Đêm gần tới, ánh sáng mặt trời dần dần chui hẳn trên ngọn tre cao. Trong nhà, các vật đã bắt đầu nhũm nhấm. Gà, vịt, ngan, ngỗng tập nập về chuồng cắn nhau, cãi nhau inh-ỏi. Chỉ Cặp tình mắt, trông thấy nó trước, kêu lên:
 — Kìa, kìa, con gì lù lù kia, kìa!
 Những cái mỏ nhọn, những cái mỏ dẹp châu cả về phía nó. Ngan reo to: « A ha, nó nó có râu, nó có râu, nó có râu như râu người, như râu người, a ha, khéo lắm! »
 — Thế à? Thế à? Đâu? Đâu? Anh Cặp định lại gần để xem cho rõ, thì chị Xam vội can ngăn:
 — Ấy chết, hình như trên đầu nó có cặp sừng nhọn hoắt, phải coi chừng!
 — Đứng lăm, đứng lăm, chị Xam hôm nay là mất đấy; ừ chà, cặp sừng nhọn hoắt vừa

dài vừa cong, dường hấp-tấp tại gần, nó húc lòi nòi!
 — Sự có gì! Các anh cứ để tôi lại tôi nó ra chỗ mà xem. Ngỗng vươn cao cái cổ dài lên như rắn hổ mang, rồi chúm mõ là là mặt đất, vừa tiến vừa dọa: « Tao cần, tao cần chết! »
 Và sợ hãi, nghiêng sừng về đằng trước, be lên một tiếng ối! Tức thì gà trống, gà mái, gà con có nhau chui vào lồng, nhảy lên, chun đờ rít rít; vịt và ngan hết chỗ, nép mình sát tường, và ngỗng, hết-hoảng, thụt lùi. Chó đạo qua, biết chuyện, phì cười, mắng ngỗng: « Nhất như cây, đã không biết thân, còn hay dọa vật, rõ ư! » Bò đi cày về, vào chuồng, thấy nó, hát lảm lảm hỏi chó: « Con gì đây anh Vàng? »
 — Con dê anh à. Nó hiền như dế, thế mà vừa làm ngỗng sợ rút gân, buồn cười quá, hi hi...
 Gà con mách mẹ: « Nó là con dê, nó hiền như đất, không sợ, không sợ! »
 — Im đi, ông Vàng kia kia.
 Bò nói tiếp:
 — Nó bé bỏng thế thì cây bừa có gì được mà đem về đây cho đến cơ?
 — Chưa chỉ để lo đến cơ, anh lần lần qua. Tôn cơ đã có người bắt, lo gì mà lo, lo Ngô rồi, lo bò trắng răng ấy à?
 Biết mình lỡ mồm, chó dỗi giọng:
 — Bà chủ đem nó về vắt sữa, chứ cây bừa gì cái gì ấy!
 — Vắt sữa để làm gì anh?
 — Để uống!
 — Sữa để mà cũng uống được à?
 — Chuyện, sữa bò còn uống được nữa là sữa dê.
 — Ừ nhỉ, A mà bà chủ mua nó bao nhiêu tiền?
 — Chả tốn đồng nào hết, họ biếu đấy.
 — Ài mà từ từ thế?
 — Cái anh gì trên Thiên-đội, anh ta mắc nợ bà chủ, bà chủ cần để vắt sữa, anh ta có để moi dế, bà chủ cho người lên hỏi, anh ta dất xuống chiều nay.
 — Người làng Thiên-đội mà cũng xuống tiền đây vậy ư?
 — Bà chủ ta cho vay nhiều « nợ » lắm, chẳng những ở Thiên-đội mà thôi, tại huyện này, làng nào cũng có người vay tiền, vay lúa của bà. Anh mới tới chưa biết đấy, chứ tôi ở đây đã lâu, từ ngày ông con sông kia, tôi hiền hết. Bà giàu lắm, giàu lắm. Không kể ruộng, vườn, thóc gạo, không kể máy

trăm món nợ, bà còn có bốn lũ bạc chôn ở đầu giường, không ai biết hết, trừ bà và tôi.
 Bỏ mớ trên con mắt:
 — Thế thì giàu quá, sướng quá!
 Gà vịt này giờ im thin thít cũng rõ lên: « Bỏ hũ bạc chôn! Giữ quá! Sướng quá. »
 Được tình-giả tỏ vẻ loan-nghênh câu chuyện của mình, chó vênh vào tự đắc, liếm mép, ề ề khoe thanh giọng, kể tiếp:
 — Các anh các vịt lắm cả. Bà giàu thì giàu thôi nhưng chẳng sung-sướng gì đâu. Từ ngày ông mất đi, bà không lúc nào được thanh-hoai một chút. Ngày thì lo việc đồng áng, sai bảo kẻ ăn người ở, đêm thì lo giữ nhà, li chi được giấc ngủ ngon. Một con chuột lục nôi, một tiếng sột sạt nhỏ ở bờ tre cũng đủ khiến bà đặt mình thức dậy, kêu con inh tai. Đã thế lại là-tiền, ăn uống thất thường, thuốc men không có, nên trước là bà sút hẳn đi. Vì vậy, đã hai năm nay bà mới chứng ho, lúc đầu ho khức-khắc mỗi đêm vài tiếng, dần dần bệnh tăng lên, ho nhem ra, đờm xanh lè, tạch nước, có khi lợn cợn máu!
 Vịt chen vào:
 — Thế thì ho gà mất rồi còn gì!
 Gà mãi với cái-chính:
 — Nói thế giàu dòi nói! Ho gà mà đờm có máu!
 Chó cười:
 — Chẳng phải ho gà, ho vịt gì hết. Đó là một chứng ho nặng hơn nhiều, mà người ta gọi là ho... ho... Chó lưỡng lự, bỏ chấp vào:
 — Ho lao chứ còn gì nữa!
 — Ấy chết, khe khẽ chứ anh Mộng. Bà chủ nghe được thì khôn. Bà có một tình lạ lắm, hề ai bảo bà ho lao là bà nhĩ giận ngay, cho đó là một tội rửa độc. Cũng bởi thế mà bà ghét cậu Nguyễn như kẻ thù.
 — Ghét con như thế thì còn thương ai?
 — Cậu Nguyễn nào phải là con bà, ấy là con ghê, con bà trước. Bà giờ chả để dài gì hết; bà không « bước bước nữa » là vì bà biết của, đi không rút, nên phải ở lại chờ chồng, nuôi con chồng. Ngày ông mất, Nguyễn mới chín tuổi. Nay đã mười tám, đã học tới lớp nhất rồi kia đấy. Cậu thông minh lắm, biết nhiều chuyện đạo đức. Cậu thường khuyên đi nên giữ-gìn sức khỏe, theo phép vệ-sinh, đừng nhõ xuống đất, nên dùng ống nhổ riêng. Bà không nghe, lại còn bảo cậu khinh-bí bà, quát hủi bà, rủa bà chết cho

mau đi; ăn một mình. Nhiều khi tức quá, bà nổi tam-bành lên, khóc lóc, kể lể, dăm ngửa thỉnh-thìch, dấy chân đánh đập, rồi ho ngất đi, rồi giận bỏ cơm ba bốn ngày, người « khùng » hẳn đi, uống thuốc không lại.
 — Bà thường uống thuốc gì?
 — Thuốc bắc, một thứ nước đen như mực, đắng như mật. Một hôm, cơn ở sắc sòng, rủa đi ở bếp, tôi ném trộm một chút, thì, ài chà, đắng quá, nhõ không kịp!
 Bò tỏ vẻ thông-thạo, đứng đính ninh:
 — Ho lao thì chỉ có nước tiên mới trị nổi. Tôi còn nhớ, ngày ở với chủ trước, tôi cũng no vào mấy tháng, ho ghê lắm, lợn tã phờ, vang cả nhà, chứ như bà chủ đây để thêm vào đầu. Thế mà uống nước tiên không đầy hai mươi ngày, thôi hẳn đến giờ. Lúc đầu con phải đỡ, mỗi ngày ba ống tre to, sau quen mùi đi, cứ lúc ư nhà ăn đồng, hoặc ở đồng về nhà là tôi thở mồm vào chậu nước tiên đặt ở ngõ, nói một hơi dài.
 — Thì trước kia, khi mới mắc bệnh, bà cũng dùng nước tiên, mới sáng một bát nước tiên trên con, xin ở hàng xóm. Nhưng sau, bệnh càng ngày càng nặng không thể tiếp tiên được nữa, mới chịu mời thầy Nhon cái thuốc.

BÁI CƠ BẢN:
ỐC KHOA HỌC
 cuốn đầu trong bộ
SỨC KHỎE TINH THẦN
 của P. N. MURU — giá 2230

Bằng một lối văn dễ dàng, sáng sủa, tác giả bộ « **SỨC KHỎE MỚI** » dẫn các bạn đi tìm óc khoa học tức là một lối nghĩ xét, một lối nghĩ, một lối xử trí thiết hợp nhất với đời sống hiện tại - lập ngày nay.

Mua một cuốn gửi tiền trước
 kèm 6540 đảm bảo về O. giảm đốc
Hàn Thuận phát hành
 71 - Tôn Tồn - Hanoi

Sách của thư-xã ALEXANDRE DE RHODES

ĐÃ XUẤT-BẢN:

Thơ ngụ-ngôn La Fontaine

bản dịch của ông Nguyễn-văn-Vinh có vẽ Pháp văn đối chiếu 150 trang khổ 8, tranh ảnh của Minh-Quỳnh. Bìa 3 màu khổ 7x10. Bìa thường 1900. Bìa giấy Đại-La 600.

Kim-vân-Kiên (tome 1)

bản dịch và chú thích của ông Nguyễn-văn-Vinh. 150 trang khổ 37 x 3, bìa thường 2p.4. Bìa giấy Vercor houlard 7p.00

Lược - Khảo Việt-Ngữ

của ông Lê-văn-Nguyễn 100 trang khổ 12x17. Bìa thường 5p.00, bìa giấy 6p.00

ĐÃ XUẤT-BẢN:

Le paysan Tonkinois à travers le parler populaire

bản Pháp-văn của ông Phạm - Quỳnh 100 trang, có tranh-ảnh của Minh-Quỳnh. Bìa 3 màu, khổ 17x28. Bìa thường 5p.00. Bìa giấy Đại-La 6p.00

Tổng phát hành MAI-LINH 21 rue des Pipes Hanoi

— Có phải anh chàng lùn lùn, mắt híp, bụng phệ, thường vác cái ô tàng ấy không?

— Phải đấy!

— Liệu anh thì biết có gì?

— Hồi Thuý giới làm, sách thuốc đọc lâu lâu, nói chữ vanh vách, thảo đơn lành như chớp. Giá bà đảm tính, biết nghề của Nguyễn, ít tận đời vô lý, thì đến nỗi gì. Nhưng khổ quá, động một chút là lu-loa lên, thuốc tiền cũng chịu. Độ này thì nguy lắm, khác ra máu luôn, ăn uống không được, một ngày chỉ húp vài lưng bát cháo nước, có khi nuốt không trôi nữa lénh lách cả ra. Hôm trước, có người mách nên dùng sữa dê, vì sữa dê uống mau lại sức khỏe.

— Bởi thế mới đem con dê này về đây phải không?

Chó chưa kịp trả lời bô, thì trên nhà đã có tiếng gọi: « Ờ Vâng, ờ Vâng, về ăn cơm! »

— Trời tôi rồi mà không biết; mãi mới chuyện quên cả ngày giờ. Thôi chào anh Mông, chào tất cả; mà ngủ đi, đừng làm ồn lên đây các chị gà nhè!

Sau một đêm thao thức, nó nằm vật xuống giường thiếp đi. Bỗng bị lời mệnh, nó giật mình thức dậy, buột miệng gọi con lại bú. Nhưng nó sợ nhọt lại tinh cảnh minh, và thối với người quanh: « Trời sáng đã lâu, bô đã đi cày, gà vịt đã bỏ chuồng ra đồng rơm, ao ruộng. Một thùng ờ lợc lợc, cái mặt dừ ờ lợc lợc nó ra vườn, cột nó vào một gốc cau. Nó dậy dợc, định đi bậu mấy cái thì chân sau đã bị trĩu riết vào hai cái cọc đóng sẵn. Hồn nó ngồi ờ lợc, rủa qua và nó, rồi cúi xuống vật sữa vào một bát chiết-yêu. Nguyễn nó mới đứng trông, Vang ngồi bên cạnh, thế cái lưỡi dài ra, dờ rờ « nước dừ khi thấy sữa dòng dòng chảy.

Những ngón tay cùn thừng ờ, to bè-bè, cứng ngắc, bóp mạnh vào vú nó, đau ran. Ý hẳn cả dời chưa vật sữa lên nào, nên hẳn ta mới vụng về đến thế. Nó kêu gào thảm thiết: xối xa như người bị cướp trôi lại khố cửa, và nhớ lại cái cảm-giác êm-đềm khi cho con bú chuồng cò ăm cũng, hoặc dưới bóng cây mát rền. Những cái miêng xinh xắn chồm-chồm mép sữa, nư cả khế, nư vuốt ve.

Thằng ờ vật xong, Nguyễn cúi xuống bưng bát sữa dậy lên: « Anh Đờ cọt nó vào nhà rồi đi bắt cho cò một ít cò non ».

— Cọt làm gì cọt? Thì nó ra cho nó khoe-khoai một chút. Rõ khi thế này, nó không chịu lại đâu mà sao.

Nguyễn gọi: « Ờ! cũng được! »

Thế là nó được thả ra, được tự-do thêm,

tuy sợi dây còn lằng-lằng ở cổ. Nó nhìn thẳng ở bằng cặp mắt dừ cảm ơn, và thấy hẳn ta không đáng ghét như trước.

Nó dạo quanh vườn, gặm những bụi cỏ già mọc dưới gốc cau. Nó tới gần ao ruộng, thấy rau bốt sật bở, thêm quá. Nó dờ dờ lắm rồi. Mùng khoai khô cứng ngắt mà nó cố nuốt tới quạ chắc đã tiêu hết, đã biến thành sữa trắng mà người ta mới cướp mất. Nó rướn cổ với những ngọn rau ngon. Lũ vịt nó dờ trên mặt ao, tinh-nghĩa khoát nước tung toé. Nó thụt lại, bô đi không thêm chấp. Nó định ra phía sau nhà ờ, xem có gì ăn được không. Bỗng nó đứng trước rặng cây: ở nhà trên có tiếng mắng mỗ, quát tháo, thỉnh-thi thoảng, đánh-dịch, rồi một cơn ho dữ-dại nổi lên, rồi một tiếng gọi to, rồi những tiếng kêu gào: « Trời ơi, trời ơi, anh Đờ, anh Đờ! » Nó ngo ngắc, chưa biết nên dợc đó hay trốn đi đâu, thì Vang đã hét ho hét hải chạy ra: « Nguy rồi, nguy rồi! »

Nó đánh bạo, hỏi:

— Cái gì thế, cậu Vang?

— Bà thổ huyết, bà thổ huyết, nguy mất! chết mất!

— Tại sao thế cậu?

— Chỉ tại bát sữa của nhà chị!

Nó sững sờ, không hiểu tại sao bát sữa của nó lại có thể gây ra tai nạn ấy.

— Bát sữa đầy quá, bà uống không hết, bảo Nguyễn uống nốt chỗ còn thừa. Cậu sợ lây, không dám uống, gả vợ đưa lên nhà, rồi nhào lức bà ngằngh đi súc miệng, cậu đổ toilet vào xô nhà. Bà quấy lại, bắt dợc, nổi tam banh lên, vô hạn, dăm ngày, rồi ho, rồi hộc máu tươi ra!

Rút lời, cô chạy ra ngõ, bô nó ở giữa vườn với bao nỗi băn khoăn trông dợc.

Ba hôm nay, trong nhà rộn-rịp những người. Bận lo về đêm mà bà chủ, không ai để ý tới nó, sáng không vật sữa, ngày không cho ăn, đêm không cọt lại. Nó được đi lại tự-do quanh nhà, uống nước ở ao, ăn trộm rau khoai ở vườn sau; vì thế nó không đến nỗi đói khát cho lắm. Nhưng nó nhớ nhà, nhớ con, nhất là buổi chiều, khi gà dặt con vau về về chuồng, hoặc buổi sáng, lúc nó thức dậy cạnh dợc rơm, bôn chuồng vịt, và cày dợc sữa, hoặc buổi khuya. Nó hướng ao về phía rừng xa, kêu lên những tiếng rưng rưng, dai thẽ-thẽ và buồn-sầu-rực.

LÊ TÂN-KINH

Côi là người Bắc

TRUYỆN DÀI CỦA VÕ XUÂN TỰ

(Tiếp theo)

Văn cũng họa theo Viên:

— Phải đấy! Mà tiệm hủ-tin khách-trú ngay đầu phố Chalgneau nấu ăn ngon đâu!

Chi cái:

— Cái thế trước kia không có tôi mới phải ăn, chứ từ khi có phở Bắc, có bao giờ tôi ăn hủ-tin khách-trú nữa đâu! Léo-táo và miệng thì luôn với dăm cộng họ để lên bánh phở và dờ rồi rớt ít nước giềng vào... Mà cần nhất nước giềng, thì nước giềng lại là thứ nước lợn luệc trắng toát như nước sôi, và sau họ tưới thêm ít nước mè nữa. Như thế ra cái gì?

Sao bằng phở Bắc: ngon, lành, nóng sốt mà... bô nữa!

Thật không thứ hủ-tin nào có thể dợc với phở Bắc!

Dứt lời, Chi nhìn các bạn hều, dợc một lời chứng thực. Nhưng Phương đã « dài miệng » đáp:

— Phải... không có thứ hủ-tin nào có thể dợc-thứ được với phở Bắc!... Và, người Bắc, thì có cái gì cũng ngon lành, cũng đẹp đẽ hơn khách trú!

Chi cười nhại lại Phương:

— Chứ sao!... Nhất là phở Bắc! Thôi, « thực tri kỷ vị », ra đây ăn rồi chúng ta sẽ biết.

Nếu người uống khỏi lùn. Bón phở Vannier, ngay từ chỗ sở Kho-bạc nước-nước, Chi đã thấy cái xe phở Bắc dợc trên vai bà. Quanh xe.

lỡ -nhỏ những khách ăn:

người ngồi, kẻ đứng chờ:

« - Thế hào, hai bát phở năm không dợc, xong chưa? »

« - Kìa, một bát mỡ gần cho tương và lạc của tôi đây! »

« - Nay, hai bát chân, tôi mới bát một bát nhỡ! »

Người hàng phở cứ gạt lia-lia và tay thái thịt không ngừng. Cạnh thùng nước giềng, một người đàn bà luôn luôn bốc bánh phở dợc trong một cái thùng cái đại bô vào nước sôi xức qua. Ở góc cây, một thùng bẻ «chuyên môn» ngồi rửa bát. Ngoài ra, còn một người nữa chỉ dợc bưng phở cho khách ăn. Hàng phở không dợc ghế cho khách ngồi, mà ai có ngồi xuống ghế, người bán hàng mới nấn trước. Bởi vậy, những lúc đông, người ngồi ăn gần hết thì đã có kẻ đứng xát ngay bên cạnh để tranh dành ghế, có khi bà-bôn người định chiếm một cái.

Chi cười bảo Phương:

— Đây, Phương xem: ở đây, một cái ghế cái nhỡ cũng có giá-trị như một cái ghế trong nghi-viện!

Phương mỉm cười gạt dờ.

Người hàng phở bảo Chi:

— Phở nấu xong rồi, thầy?

— Anh bảo đem vào trong tiệm cà-phê!

Ở Saigon, trong các giới ăn uống, thường có lệ khách ngồi trong một hiệu cà-lâu hoặc tiệm nước, muốn gọi mua những thức ăn ở ngoài đem vào cũng được, nhiều khi những thực-phẩm ấy ở ngay trong hiệu mình ngồi cũng có bán mà khách không mua, là bởi khách chỉ cần uống cà-phê, hoặc uống nước không thôi.

Nhưng, trong tiệm nước Chi ngồi với các bạn hều đây, nhiều sáng, chúng già sáu xu một tách nhỏ cà-phê nhạt nhẽo, thật chỉ có lấy chốc ngồi. Ấy thế mà khách-trú chủ tiệm này, đã thông biết công ơn người hàng phở — công ơn vì phở, người ta mới uống cà-phê — lại còn rẻ những thức cạnh-tranh bắt chỉnh đàng. Nào lấy «tô» (bát); nào cũng «tập-tạp» nấu bán phở Bắc...

.... Nhưng chỉ là vớ vớ những cái bèn lém ra.

Ăn gần hết bát, Chi bảo Phương và Văn:

— Hai chị em ăn dợc tới bô làm trước, khỏi phải chờ?

Bô thần tiêu độc

Thuốc lọc máu, tiêu hết nhiệt độc, ngừa lây do dợc, hòa hòa tiêu phát ra. Hấp 6-9 giờ. Nên ăn dợc, cá té 7-9 giờ. Xa mủn tinh — hòa giao ngàn —

NHÀ THUỐC TÊ-DÂN
N-31 hàng Bàng Hào

Saigon: 212, Nam-lửa 429P. Bán-chy dợc tại các nhà thuốc Tê-Dân

Phương đáp:

— Ngon đấy, nhưng mà thôi, ăn lấy ne sao?

— Ăn ne cũng được chứ sao! Với lại, lát nữa hai chị đi, đến một giờ hơn một tiếng là-rẻ, cơm nước nhờ hàng cũ....

Rồi không đợi hai nàng đi, Chi bướng dữa chạy ra bếp làm thêm bốn bát nữa.

Lại ngồi xuống ghế, Chi cười với ăn vừa bảo chúng bạn:

— Các anh chị không để ý, chỉ một bát phở Bắc chúng ta ăn đấy, thật là trải bao nhiêu gian-nan, bao nhiêu khổ-hại, giờ mới được hoan-nghê như thế này. Trước kia, biết bao nhiêu kẻ hi-sinh cho phở Bắc! Đó là những anh hùng vô danh, những anh nghèo tha phương cầu thực, danh dự được chút tiền lương ra nên cao thức ngon vật lạ của xứ sở mình cho mọi người biết. Không gặp thời, cơ-nghiệp họ tiến tan theo gió bụi!

Lúc mới có phở Bắc, khách-chợ ở Saigon ghen ghét dữ lắm. Thì bây giờ ăn mới lạ,

mà không gánh đến gần chỗ người ăn uống thường lui tới, còn đem đi đâu nữa? Thấy gánh phở Bắc — gánh phở đầu tiên — đổ trên hè góc đường Sabourain-Viénot (hỏi ấy chưa có hiệu Bombay) tại khách-trú trong tiệm cà-phê tức-lỗi, gửi giấy lên đốc-lý Saigon xin đuổi đi chỗ khác.

Không đuổi được, bọn họ xoay lấy «tổ» khi có một người ngồi trong hiệu vừa uống cà-phê vừa ăn phở Bắc như chúng ta bây giờ. Mà nói đầu xa, chính chủ hiệu này đã mấy lần xô-xá, giờ họ mới lại thừa-nhận lại cũ.

Hiện thời, phở Bắc trên lan khắp phố-phương Saigon, mà trên thành phố nhất là một hàng phở lại mạnh bạo ra mở hiệu trên đường Gallieni, cũng bán kèm theo cà-phê và các thức ăn khác nữa. Đồng thời, một hiệu cà-phê khách-chủ cũng mở ngay cạnh đấy (ngày nay tức là hiệu thợ cạo). Mỗi hôm đầu khách-thành, tiệm cà-phê khách-trú đông nghịt, tiếp-tếp, còn hiệu phở Bắc như đùn-hu, vắng vẻ. Trong các tên phố kỹ-dương, đương tự-đắc, cười mỉm, mắt

đưa sang kẻ nghịch, và trước tình-hình ấy, nhiều người không khỏi lo ngại cái số phận mỏng manh của hiệu phở Bắc....

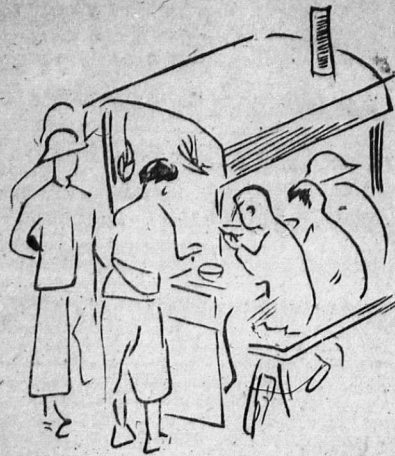
... Nhưng, không hề gì! Chỉ sự im lặng làm việc mới đáng kể! Quả nhiên, mấy tháng sau, khách hàng của tiệm cà-phê cứ thưa vắng dần, trong khi hiệu phở Bắc cứ một ngày một đông thêm. Cho đến ngày khách-trú phải dẹp tiệm, tránh xa, và hiệu phở Bắc ấy hiện thời hãy còn sống và phát-đạt lắm.

Chiếc xe ô-tô-bus đi Long-hải chạy. Cui, Viên đi lộn lại đường Lê-ban. Đến ngã ba, Viên lại chia tay bạn đi có việc riêng, còn Cui, chàng thùng-thình bước một, dạo chơi quanh chợ. Bỗng có tiếng gọi sau lưng, Chi ngoảnh lại: Nhâm — bạn làm cùng sở với chàng.

— Anh đi đâu đó? Nhâm hỏi.

— Tôi vừa tiễn người bạn đi Long-hải, giờ định dạo quanh chợ rồi về.

— Tôi cũng đi chơi chợ, thấy thì chẳng nhìn ra bên xe



Lục-tinh ngắm nhiều «mùi» lắm đấy!

Nói đoạn, Nhâm giắt tay bạn rẽ sang đường Viénot.

Ở Saigon, những ngày nghỉ, buổi sáng người ta thường đi chơi chợ Bến thành, buổi chiều, «Sở thú». Chỉ có hai nơi ấy là chỗ nhàn-dạ giải trí, mà cũng là «tràng-tâm - điếm» hội họp của những là do mào để khách «ngắm hoa» lui tới.

Cứ từ lúc sáng, những xe ô-tô Lục-tinh, những xe ô-tô nhà, đã đổ suốt via đường dọc theo phố Viénot. Bốn công chợ đến huyền-náo. Bên trong cũng như bên ngoài chợ, đầy khách chơi chiêm-chen chán với người đi mua bán. Trên cảnh-lượng chỉ sầm-uất như mây giấy phở quanh đấy, chứ ra xe một hai trăm thước, là lại thấy ngay cảnh đùn-hu lộn lộn.

Trước một cái quán bán sách, Nhâm đứng lại mua một cuốn truyện. Trong khi

đứng chờ bạn, Chi bỗng được chứng-kiến một cuộc «Nam Bắc đấu khẩu»: Một người đàn-bà Bắc đi xe thổ-mộ đã mà-cả hẳn hơi, nhưng lúc già-tiền, tên đánh xe ngựa lại mà-nheo dôi thêm. Điều qua tiếng lại, và đến cuối cùng, biết thế không làm gì được, tên đánh xe ngựa liền rỏ thứ «khí-giới riệu cợt» ra: «Thôi đi bác-nhâm! Bắc-nhâm!»

Tức khặc, mấy câu đó đem lại được ít tiếng cười khà-ô của tụi cu-li-xe đổ gần đấy. Chàng bút-rút khó chịu, khi thấy hai người cãi nhau, rồi

Cần nhiều đôi-lý
TÂN-Á PHÁT-LÃNH HOÀN
trị sốt rét, ngứa nước
•
TÂN-Á THANH - TÂM ĐÀN
trị thổ, tả, kiết, lỵ
•
Tổng phát hành: **TÍN LẬP**
160, Route de Hué - Hanoi

rỏ đến xứ sở nhau ra mà nói, mà chế-riêu, như đối với kẻ khác giống, khác mới. Không lẽ, mỗi chút, chàng lại can-thiệp vào.

Rẽ sang phố Viénot, cảnh chợ-búa nhộn-nhip khiến Chi quên khuấy câu chuyện đi-tiệm vừa rồi. Gây phố này trông về hướng tây, nên buổi sáng mát lắm, những người đi chơi chợ, không ai là không dạo qua. Nhờ cách-biệt mấy tiệm cà-phê khách-trú, ở đây, đầu tiếp-nạp đông-dúc, mà không náo-nhiệt lắm. Nhà cửa xây một loạt dài ba bốn tầng, vừa cao-ráo vừa rộng-rãi, vừa là cũng rộng thênh-thang, vì vậy, rất hợp với địa-thế buồn bã, cho nên chẳng bao giờ một căn nhà nào ở đây bị bỏ trống, dần ngay trong những năm kinh-lê khủng-hoảng.

Các hiệu tư-lựa rục-rục, phố muôn hồng ngàn tía đến chào khách Hạng-gang. Đứng bên ngoài từ kinh, rất nhiều cặp mắt nhưng tươi sáng trước các tủ hàng mới qua. Trong hện thì rìa-rít tiếng ồn ào, những tiếng trầm-trở khen-ngợi, những tiếng sồn-sao hân-lân.

Trên via hè, các hàng bán cá thia-lia bày la-liệt. Trong những bình thủy-tinh chong suốt, những con cá bạc nếm mình, lượn lên lượn xuống.

Gió sớm nhẹ nhẽ thổi, Lòng Chi được một nỗi vui mau-mắc.

Bón gói giấy nện đến-dầu. Mỗi khi thấy một chiếc xe hơi của khách Lục-tinh lên chơi Saigon đầu bên, hai chàng lại đi chậm-chậm để ngắm những vị tiền-thuê dờ rệu-rạng. Các nàng này, biết có những chàng trai trẻ lưu ý đến mình, thanh ra đã hờ-

RA ĐỜI TỪ NĂM 1921

thuốc bổ Củ-u-Long-Hoàn Vô - Đình - Dân

ĐÃ TỪNG LÀM DANH DỰ CHO NGHỀ THUỐC VIỆT-NAM
KHẮP XỨ ĐÔNG-PHÁP

CÁC CỬA HÀNG ANNAM VÀ KHÁCH ĐỀU CÓ TRƯ BÁN LẺ

Hộp 2 hoàn : 1\$70. Hộp 4 hoàn : 3\$25. Hộp 10 hoàn : 7\$90

Phương đáp:

— Ngon đấy, nhưng mà thôi, ăn lấy ne sao?

— Ăn ne cũng được chứ sao! Với lại, lát nữa hai chị đi, đến một giờ hơn mới tới nhà, cơm nước nhờ khách ăn....

Rồi không đợi hai nàng đáp lại, Chi bưng đĩa chạy ra bếp làm thêm bốn bát nữa.

Lại ngồi xuống ghế, Chi cười cười vừa ăn vừa bảo chúng bạn:

— Các anh chị không để ý, chứ một bát phở Bắc chúng ta ăn đây, thật đã trải bao nhiêu gian-nan, bao nhiêu vất-vả, giờ mới được hoan-ngênh như thế này. Trước kia, biết bao nhiêu kẻ hi-sinh cho phở Bắc! Đó là những anh hùng vô danh, những anh nghề tha phương cầu thực, đành dậm được chút vốn liếng ra nên cao thức ngon vật lạ của xứ sở mình cho mọi người biết. Không gặp thời, cơ nghiệp họ tiêu tan theo gió bụi!

Lúc mới có phở Bắc, khách-chê ở Saigon ghen ghét dữ lắm. Thì bây giờ ăn mới là,

mà không gánh đến gần chỗ người ăn uống thường lui tới, còn đem đi đâu nữa? Thấy gánh phở Bắc — gánh phở đầu tiên — đổ trên hè góc đường Sabourain-Vienot (hồi ấy chưa có hiệu Bombay) tại khách-trú trong tiệm cà-phê tức-tức, gửi giấy lên đốc-lý Saigon xin đuổi đi chỗ khác.

Không đuổi được, bọn họ xoay lấy «tờ» khi có một người ngồi trong hiệu vừa uống cà-phê vừa ăn phở Bắc như chúng ta bây giờ. Mà nói đùa xa, chính chủ hiệu này đã mấy lần xô-xát, giờ họ mới lại thừa-nhận lệ cũ.

Hiện thời, phở Bắc trên lan khắp phố-phường Saigon, mà trận thắng rõ-rệt nhất là một hàng phở lại mọc bao ra mở hiệu trên đường Gallieni, cũng bán kèm theo cà-phê và các thức ăn khác nữa. Đồng thời, một hiệu cà-phê khách-chủ cũng mở ngay cạnh đấy (ngày nay tức là hiệu thợ-gò). Mấy hôm đầu khinh-thành, tiệm cà-phê khách-trú đông-ngập, tiếp-nạp; còn hiệu phở Bắc như diu-hu, vắng-vẽ. Trông cái tên phở-ky đương đương-tự-đắc, cười mỉm, mặt

đưa sang kẻ nghịch, và trước tình-hình ấy, nhiều người không khỏi lo ngại cái số phận mỏng manh của hiệu phở Bắc....

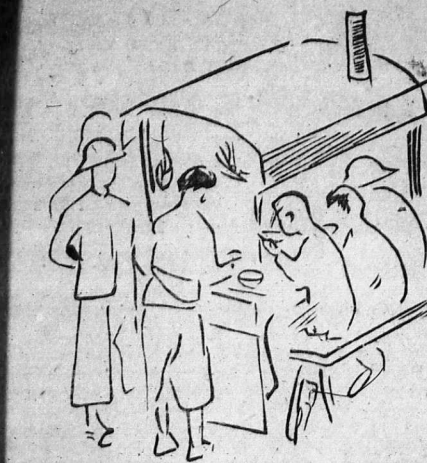
... Nhưng, không hề gì! Cuối sự im lặng làm việc mới đáng kể! Quả nhiên, mấy tháng sau, khách hàng của tiệm cà-phê cứ thưa vắng dần, trong khi hiệu phở Bắc cứ một ngày một đông thêm. Cho đến ngày khách-trú phải đẹp tiệm, tránh xa, và hiệu phở Bắc ấy hiện thời hãy còn sống và phát-đạt lắm.

Chiếc xe ô-tô-buýt đi Long-hải chạy. Cui, Viên đi lộn lại đường Lữ-banh. Đến ngã ba, Viên lại chia tay bạn đi có việc riêng, còn Cui, chàng thư-thinh bước một, dạo chơi quanh chợ. Bỗng có tiếng gọi sau lưng, Cui ngoảnh lại: Nhâm — bạn làm cùng sở với chàng.

— Anh đi đâu đó? Nhâm hỏi.

— Tôi vừa tiễn người bạn đi Long-hải, giờ định dạo quanh chợ rồi về.

— Tôi cũng đi chơi chợ, thế thì chúng mình ra bên xe



Lục-tinh ngắm nhiều «mặt» làm đa!

Nói đoạn, Nhâm giắt tay bạn rẽ sang đường Vienot.

Ở Saigon, những ngày ngỗ, buổi sáng người ta thường đi chơi chợ Bến thành, buổi chiều, «Sở thú». Chỉ có hai nơi ấy là chỗ nhàn-dạ giải trí, mà cũng là «trung tâm - điểm» hội họp của những tá áo màu đỏ khách «ngắm hoa» lui tới.

Cứ từ mờ sáng, những xe ô-tô Lục-linh, những xe ô-tô nhà, đã đổ suốt vỉa đường dọc theo phố Vienot. Bốn công chợ đều huyền-náo. Bên trong cũng như bên ngoài chợ, đầy khách chơi phiếm chen chân với người đi mua bán. Nhưng cảnh-tượng chỉ sầm-nút trên mấy giấy phở quanh đấy, chứ ra xa một hai trăm thước, là lại thấy ngay cảnh diu-hu lặng lẽ.

Trước một cái quán bán sách, Nhâm đứng lại mua một cuốn truyện. Trong khi

đứng chờ bạn, Chi bỗng được chứng-kiến một cuộc «Nam Bắc đấu khẩu»:

Một người đàn-bà Bắc đi xe thô-mộ đã mà-cả hân-hoi, nhưng lúc giả-tiền, tên danh xe ngựa lại mê-nheo dõng-thêm. Điệu qua tiếng lại, và đến cuối cùng, biết thế không làm gì được, tên danh xe ngựa liền rõ thốt «khí-giới tiêu-cốt» ra: «Thôi đi bác-nhâm! Bắc-nhâm!» Tức khác, mấy câu đó đem lại được ít tiếng cười khà-ô của tụi cu-li-rie đổ gần đấy. Chàng bút-rút khó chịu, khi thấy hai người cãi nhau, rồi

rõ đến xức-nhau ra mà nói, mà chửi-riêu, như đối với kẻ khác-giống, khác-nòi. Không lẽ, mỗi chút, chàng lại can-thiệp vào.

Rõ sang phố Vienot, cảnh chợ-búa nhộn-nhip khiến Chi quên khuấy câu chuyện ti-tiểu vừa rồi. Gây phố này trông về hướng tây, nên buổi sáng mát lắm, những người đi chơi chợ, không ai là không dạo qua. Nhờ cách-biệt mấy tiệm cà-phê khách-trú, ở đây, đầu tiếp-nạp đông-đúc, mà không náo-nhiệt ào-ào. Nhà cửa xây một loạt dài ba bốn tầng, vừa cao-ráo vừa rộng-rải, vỉa hè cũng rộng thênh-thang, vì vậy, rất hợp với địa-thế buồn bã, cho nên chẳng bao giờ một cơn mưa nào ở đây bị bỏ trống, dẫu ngay trong những năm kinh-tế khủng-hoảng.

Các hiệu to lùa rục-sổ, phố mồn mồn ngồn-tĩa đón chào khách Hạng-giang. Đứng bên ngoài từ kinh, rất nhiều cặp mắt nhưng tươi sáng trước các cửa hàng mới qua. Trông hện thì riu-rit tiếng ồn ào, những tiếng trầm-rõ khèn-ngội, những tiếng sồn-sao heo-tán.

Trên vỉa hè, các hàng bán cá-thia-lúa bày la-liệt. Trong những bình thủy-linh chong suốt, những con cá bạc-nấm mịn, lượn lờ lựa lựa. Gió sớm nhẹ nhẹ thổi. Lòng Chi được một nỗi vui man-mác.

Bốn gót giày nện đều-đều. Mỗi khi thấy một chiếc xe hơi của khách Lục-linh len chơi Saigon đầu bên, hai chàng lại đi chậm-chậm để ngắm những vị tiền-thuê dưới ruộng». Các nàng này, biết có những chàng trai trẻ lữ ý đến mình, thanh ra để hồ-

RA BỜ TỪ NĂM 1921

thuộc bỏ Củu-Long-Hoàn Võ - Đình - Dân

ĐÃ TỪNG LÀM DANH DỰ CHO NGHỀ THUỐC VIỆT-NAM
KHẮP XỨ ĐÔNG-PHÁP

CÁC CỬA HÀNG ANNAM VÀ KHÁCH ĐỀU CÓ TRƯ BÀN LẺ

Hộp 2 hoàn : 1\$70. Hộp 4 hoàn : 3\$25. Hộp 10 hoàn : 7\$90

Cần nhiều đại-lý
TÂN-Á PHÁT-LÀNH HOÀN
trị sốt rét, ngứa nước
TÂN-Á THANH - TÂM ĐAN
trị thổ, tả, kiết, lỵ
Tổng phát hành: TÍN LẬP
160, Route de Hué - Hanoi

ngủ với cách phổ-phương
tưng-bưng, lại càng dục-dê,
e-them. Những tằm áo dài
còn-cơa còn nguyên nếp với
mền đồ thắm, hoặc xanh biếc,
đứng cạnh những bộ áo tân-
thời tha-thướt với những quần
sàng-sũn, càng nổi bật về màu
màu ngọc ngà. Có nàng qua
mặc-cổ thành sự (sợ), mỗi
bước đi như bươm xất lấy
những ông già « khều đóng
áo già »....

Lượn đi lượn lại con đường
này đến ba bốn lần, hai cặp
mắt của Nhâm và Chi nghe
chẳng đủ no-nê, thốt-mần,
song hai chàng vẫn còn quyền
lượn càn vui. Đường đi,
Nhâm đứng dừng lại, kéo tay
Chi:

— Chà! « con nhỏ » kia
« mù » dẫu!
Chi ngơ ngác:
— Đâu?

Ghế vào cái tai một nhà
hàng trên đường Ê-ti-ban,
Nhâm hóm-hỉnh, cười:

— « Con cộp » ở cái giấy
đán ngoài cái chai « ngợ ngợ »
đó!

(còn nữa)
VU XUÂN TỰ

HAI QUYỀN SÁCH XỮ THUẬT
GIỎ SƯNG HOA (XUÂN)
của PHẠM VĂN HẠNH
Ấn bản chính: 417 bản đẹp số

TỘC CHỊ HOÀI
của NGUYỄN TUYÊN
Ấn bản in màu màu
Đẹp số 417 bản đẹp số 417
Ấn bản, sách in cho những
người sành, gửi cho đại-ly
có hạn, đẹp số 417 bản đẹp

LƯỢM LỎA VÀNG
Ấn, rao Tiên Tiên - Hanoi

Sách mới

T.B.C.N. vừa nhận được:
— **THÁI-LINH-DƯƠNG ĐẠI-CHIẾN** do **Tel-shin-Sho** biên
thuật bằng quốc ngữ và
viên hải-quân **Chikaraishi** đã
tựa bằng chữ Pháp. Đó là một
cuốn sách nhỏ về cuộc chiến
tranh ở Thái-bình-dương và
những trận thủy chiến lớn
giữa thủy quân Nhật và đồng
minh từ 8 Décembre 1911 đến
nay. Sách in đẹp giấy tốt lại
có tranh ảnh.

— **LA JEUNESSE DANS LA DOCTRINE DU MARÉCHAL**
(diễn văn của ông **Jean M. Comby**, giáo sư trường Luật)
đọc hôm 18 Février 1913, do
nhà Hec-chinh giữ (lãng).

— **OC KHOA HỌC** (một
phương pháp rèn luyện trí xét
đoán) của **Phan-ngọc-Khuê** do
Hàn Thuyền xuất-bản, giá 2p20.
Xin có lời cảm ơn các nhà
tặng sách và giới thiệu với
bạn đọc.

CAI A - PHIÊN

Thuốc Tả - Nh t - Khước Yên Hoàn
số 49, giá 1 p và nhỏ 3p50 và lớn

Về nhà 1p00 uống từng ngày
chỉ bữa tại nhà thuốc hoặc
đại-ly để các ông không cần
tiền mua luôn một léc, còn các
ông ở tỉnh xa, chỉ nhận gửi
theo cách tính hóa gáo ngân,
nghe năm 7p00, nghe năm
3p00 (để khỏi cái đồ đang mà
hết thuốc). Sắm nhưng tuyệt-
cần 1p00. Thanh thuốc tuyệt căn
op25 và nhai trả 1/3 tiền trước,
nghe năm 58 Hàng Hanoi.

Còn rất nhiều đại-ly tại
khép Trùng Nam, Bắc xin viết
thư về thương lượng.

Cách ăn uống và trị bệnh
đang được vận chuyển bởi các
sách và giấy tờ (có) làm tiền gửi
có quyền catalogue hình, gửi một
tràng, một có các bệnh về
sốt, cái a-phiến, bệnh về
các thuốc Nhật-bản.

THUỐC LÃO ĐÔNG-LINH

336, **Đầu Cầu Nam Hanoi**
Thuốc Lão Đông-Linh ngon!
Gần xa nổi tiếng!
Khét thơm, trọc, ngọt, mát.
Quốc túy, ta bảo ta!

CÓN LẠI IT SICH: © GRAMMAIRE ET DICTIONNAIRE FRANÇAIS — ANNAMITE JAPONAIS

par **Kikuchi Katsurō** et **T.N. Chén**
có thêm lexique và những câu
thường dùng bằng ba thứ tiếng.
Hàn tại các hàng sách, bán buôn
hàng hồng rất hậu tại nhà in
GIANG TÀ 9: CHARRON HANOI

QUỐC GIA LOẠI GIA ĐÌNH cổn một (áp) **MẠC-ĐÌNH-CHI** Nguyễn, ở Anh **NGƯỜI NGHĨA BỘC** Phạm Cao Dũng

Đã ra được nhiều tập và đã được đánh
sách các ông gửi về cho tôi. Một năm
1900, sau tháng 1901.

PHƯƠNG PHÁP MỚI ĐỂ TỰ HỌC AN NHẠC NAM KỲ

của **Nguyễn-Linh, Đình Lan**
in một số-thứ bằng giấy tốt (chưa
được in) ở các ông gửi về (4-04)
Editions BAO-NHOC
41 MEYRET HANOI — TÊL 706

**AI cũng có thể tự chữa lấy
bệnh và trở nên danh - y**
là một số các sách thuốc của
Cụ Nguyễn-an-Nhân bằng
Quốc-ngữ có cả chữ Hán

1) Sách thuốc chữa đau, số 3p00
2) Sách thuốc chữa đau mắt, 3p00
3) Sách thuốc gia - truyền K. 2p50
4) Sách thuốc kinh nguyệt 3p00
5) Y-học Tang-thu (in lần thứ 12) 1p
6) Y-học Nhật-Bản T. N. 3p00
7) Sách-Bản - y, gần 1p00 phương
áp
8) Sách thuốc để phòng và chữa
Chứng đau-dầu.
9) Sách thuốc Hải-thương - Lan 4p00

Ở xa gửi tiền thêm cước. Thư,
mã số để cho nhà xuất-bản:
NHẬT-NAM THƯ-QUÁN
HAIPHONG



hay là hồi-ký của một người đã nghiện và đã cai thuốc phiện

của **VŨ BANG**
(xem từ số 138)

...Hồi ơi! Hồi ơi! phải cả
tạo tình thần của người dân
đi. Mà chỉ tạo tình thần của
người dân, anh có biết hai học
thứ nhất là gì không? Phải
yếu cái thân mình, phải biết
cái chân giá trị mình, phải
lên hướng cuộc đời mình!

Nguyễn Quốc Tử, vốn hai mắt đã to, nói
đến đoạn này lại rợn lên nửa thành ra chẳng
khác mắt con rợn giáo. Làm gì mà
gớm thế? Thì tôi, anh xem, tôi chẳng tận hưởng
cuộc đời tôi là gì? Tôi hút thuốc phiện để nỗi
không ai có thể hút hơn được nữa. Tôi ốm róc
không đi không biết, chết là sao. Tôi không có
đến nỗi có lúc tưởng cái tâm là cái tiếm. Á,
đến cái chết ở tận hưởng cuộc đời» như thế
thì Nguyễn Quốc Tử không hoan-nghênh tôi
nữa, nhưng anh... sợ. Anh sợ tình lưới biếng
của tôi, anh sợ cái đức hại của tôi và anh sợ
cái bệnh không ngủ được của tôi. Anh bèn kể
cho tôi một đơn thuốc ngủ không nhầm lẫn.
Thế này:

Quốc Tử nhìn vào mắt tôi ra giáng ái ngại
rồi bảo tôi thế này.

— Thế này, anh ạ. Chúng ta cùng đi làm
việc, nghĩa là chúng ta đều có tiền. Trừ tiền
thuốc phiện ra, anh còn tiêu cái gì không?
Tôi, trừ tiền an-hiến, tôi chỉ cần giữ lại độ
mười đồng t. 100 vật. Vậy thì bao nhiêu tiền
thừa thì chúng ta ến cách-ti lại về nhà,
như hồi trước bét ta con-ti về về chúng chơi
đâu. Ta đi hát! Đi hát, nhưng mà không đi
hát như những kẻ tầm thường dẫu. Anh không
biết đàn trống, tôi không biết đàn trống.
Chúng ta đều không biết đàn trống. Chúng ta
lập quan viên... ngủ. Cứ ngủ thôi, bất cần.
Ở đây ôn-lâm, cho kim chỉ khâu mới lại cũng
không ngủ được. Chính tôi đây, an-khỏe là thế,
ngủ khỏe là thế mà mấy tháng nay ở đây cũng
chỉ ngủ mỗi đêm được bốn năm giờ mà thôi!
Á, không mình đến có đầu thì không thể
đến như thế được. Lúc nào mình muốn ngủ thì
có nhà phải yên-tiền, không có thì « ông » không
chi tiền.

Ấy thế mà cái ý kiến đó lại nghe được đấy.
Nên chán tôi mà cầm bút được tôi quyết kể
cái hay và hai chân vào hiệp ước. Chúng ta phải
thực hành ngay, để cướp lấy thời giờ đã mất.

Thế là bắt đầu từ đêm
hôm sau, cứ vào khoảng
hai giờ sáng, là lúc xong bữa
thuốc của tôi, Quốc Tử đã
rửa mặt chải đầu cẩn thận
gội tôi lấy một cái xe xuống
xóm Khâm Thiên để ngủ!
Chúng tôi phải hy sinh tiền

vì thời giờ mất hơn một tuần lễ mới im được
mặt nhà hát chơi được, nghĩa là một cái nhà
hát không có đầu hát, không có kép đàn,
nhưng có ba cô đầu ruợu đẹp cả, mà lại có một
bà chủ cũng như cô đầu ruợu. Không biết ngày
xưa lúc Lưu Bị sang Đông-Ngô với Tôn phu nôm
mà quên cả nước, cả nhà, cả hai em và Khổng
Minh thì Bị có được bằng lòng hay không, chứ
chúng tôi quyết rằng phải sung sướng hơn Bị
nhiều. Bởi vì thế này, thưa ông: bản đến thì
lịch sự, có đến thì để báo

Đêm nào cũng vậy, cứ vào khoảng hai giờ
rưỡi sáng thì chúng tôi đã có mặt ở... phòng
ngủ của chúng tôi. Không bao giờ rời cái banjo.
Quốc Tử, ở trên xe xuống, ốm dần mà gây tư
ở ngoài cửa gây vào, vừa gây vừa hát như một
con gấu trong rạp xiếc. Truyền trò bù khú.
Hộp thuốc phiện nằm bở ra bên. Cái bàn đèn
bè trên giường. Lại hút một chấp nữa.

Phải hút nữa chứ làm sao? Quốc Tử nằm thì
mười hoa mới chỉ chợp một điệu. Còn tôi lại
về phần tôi cả. Lâm Vinh hát chèo đi! Chỉ Khá
ngâm Kiều lấy khe-khe độ nghe đi! Chỉ Khá
gọi cam và lấy hát rủa đi! Ừ không khi thơ
mơ màng, tôi lại tất cả đèn máy, chỉ để tờ mờ
ngon đèn dầu lạc ở trong phòng. Linh lung
lập « Gọi » lắm. Chết được! Tôi nằm to mơ,
hè con mắt nhìn sự đời mà cười khải và nghe
Quốc Tử nói lảo lảo đến trong màn bên kia.
ừ vào khoảng độ bốn giờ sáng thì chúng tôi

NHI-ĐỒNG GIÁO-DỤC

Muốn dạy con trẻ cho có hiệu quả xin đọc:
Nguyên nhân thói xấu của trẻ con

của ông giáo **Lê Hoàn-Vý** soạn
Cuốn này sẽ giúp các phụ-huynh rèn cho con
em mình chưa bao được là các học trò tốt
M 1 cuốn 1500. Mua hình thức học ngay hết
1500. Ở xa mua xin gửi (bằng các cước) cho:
NHÀ IN MẠI-LINH — HANOI

đi ngủ. Đã đành là tôi ngủ được, phần thì vì mệt, phần thì vì cái giường êm như du. Từ đó đêm nào tôi cũng ngủ được bốn tiếng hay bốn tiếng rưỡi đồng hồ — sang chủ nhật, tôi ngủ được hơn thế nữa, có khi đến chín mươi giờ mới dậy.

Mai miết suốt tháng như vậy, chúng tôi cải thiện thong thả đi nhà khác. Có đầu và quần áo đã gần như người nhà. Gần như người nhà mà không có gì là khó chịu bởi vì chúng tôi tính đã xếp đặt chiến lược đầu vào đây. Quốc-Tử thì nhận ngôi nhà ngay với cô chủ, còn tôi thì tôi « kết » với « cô đầu nhà ». Không nói vào đầu được nữa! Quốc-Tử chẳng gần như một ông chủ nhà hát cổ đầu dây ư?

Chao ôi, cơm cha áo mẹ cho ăn đi học, rồi lại vượt trường đương sang Pháp để hấp thụ văn minh Âu Mỹ, có lẽ anh không bao giờ lại ngờ rằng mình có lúc cầm giữ cái địa vị này! Tuy vậy, Quốc-Tử không hề bao giờ lại lấy cái chuyên này làm nghề. Vốn tính bồng bột không ưa cái sự xa, anh chủ trương rằng « Người hiền triết bao giờ cũng chỉ nghĩ đến hiện tại »: anh hút còi, gây đàn, hát tây rồi cười nói lảm nhảm rất sự buồn rầu, im lặng. Thằng hoặc cũng có khi sự nhớ đến công danh sự nghiệp mà buồn, nghĩ đến gia đình và tình nghĩa để huyênh mà chán, anh « vờ » ngay lấy một cô nào đó nhảy cữ ngẫu cá lên. Anh cho là cứ làm đi à! như thế thì sau đến mấy cũng có thể quên được hết. Bởi thế, ta không nên lấy làm lạ tại sao anh có thể vượt râu giả mà tưởng trước mặt mọi người; đứng ở giữa nhà hát cổ đầu mà đóng vai Maurice Chevalier lên cái diễn bộ hát bài « *Il pleure comme trois fontaines* » cho công chúng vào xem; mặc áo vareuse lót lông báo, đội mũ nỉ, đeo kính trắng, vừa lau mặt hỏi, vừa đánh đàn *banjo*, vừa si sỗ hát chúc mừng linh say rượu!

Người ta bảo tuổi thanh niên là tuổi vàng. Vậy thì bao nhiêu thời khắc vàng của chúng tôi đã qua rồi? Mùa thu đã qua và cuộc theo những lá vàng ở trên cây. Mùa đông lại lại với những cơn đường lấm lội, những cái cây hết lá đung rư rượi trên bờ hè như những người đau bệnh phổi, những đêm lạnh buốt mà những người già có không ngủ được chỉ mong trời chóng sáng. Quốc-Tử và tôi, một đêm hè năm ấy, ngồi tĩnh lại sỗ, thì thấy rằng lại không bù với lỗ.



Lại được cái vôi nhảm nhí, lại được cái mới đêm ngủ thêm được mấy tiếng đồng hồ, và lại được cái tiếng an ủi dài dẽ.

Nhưng được cái tiếng thì cái miếng không còn, vì tiền quỹ của công ti lỗ rồi thì tháng đến trăm rưỡi bạc — ấy là chưa kể đến những số tiền bất chấp rồi. « Lỗ » đi không trả! Thế nhưng mà cái đó không đáng kể: chúng tôi còn lỗ như cái quỳ hơn: lỗ sức khỏe, lỗ thời giờ, và nhất là lỗ mất hai tấm linh hồn là hai vật mà vàng ngọc của tất cả thế giới cũng không mua được.

Quốc-Tử, nhà cái cách xã hội, lúc bấy giờ không hiểu cổ ý hay vô tình bắt ra một câu nói ư như Ra-phê-ni sau khi trị hoãn việc nich từ, nói với bạn E-minh vậy: « Vay là anh em là đã ra rầu đi vào chốn nhậu, đã nào đó thì còn đầu là do tướng, còn đầu là hy vọng nữa. Than ôi! người ta mà đã đến nước chỉ tin là thần thánh mà thôi, thì tại là chẳng hoài tiếc cái thì ền đường buổi thiếu niên, buổi thời thơ ấu đó, ta còn thể biết thanh lam mà ngắm lấy danh Thành, Anh ơi, ngày xưa chúng ta hân hờ mà phạm tội song

còn có thể ăn-năn, cái ăn-năn nó làm cho việc phạm tội hóa vui, hóa mãn-mã, hóa thú vị. Nhưng đến bây giờ thì...

Tại đó lời Quốc-Tử mà rằng:

— Bấy giờ thì chỉ còn có...

Quốc-Tử hỏi:

— Ờn cái gì?

— Còn có cả tội.

Quốc-Tử nói:

— Đó là một tiếng cao như cái nện thất cổ, mà sâu như thể nước sông Xen! (1)

Tôi rằng:

— ... Và còn một cái nữa ghê hơn thế...

— Cái gì?

— Cái chết. Phải, anh ơi, đến bây giờ thì em thật hiểu cái chết nó đi ở trong người em như thế nào rồi. Không, em không như một nhân vật trong tiểu thuyết, một hồn nào đó chờ cho anh đi khỏi, đã thuê xe đến bệnh viện khám bệnh cho mọi viên y sĩ như xem rớt viên y sĩ ấy nói rằng: « Chỉ ba tháng (hay năm tháng nữa thì ông chết ». Không, em không làm thế, nhưng nói trối cho em cũng biết được ít nhiều, nên em có thể « nghe mình » em được. Em thấy rằng thân em là một con lừa. — Một con lừa mà Sterne tiên sinh khuyết là « nên quẹo ngoắt, đừng ra ròi láu », nếu ta muốn sống lâu trăm tuổi. Anh ơi, vốn là một kẻ trẻ người non dạ, em không để câu người hiền quạu lủ đờ vào đầu, nên đã vật cuộc đời ra một bung lầy những bài kinh khác. Em muốn rằng mười năm sống của em có giá trị bằng một trăm năm sống của người khác. Em muốn rằng những khoai lạc của một người thường trong suốt một kiếp người mà đem so sánh với những khoai lạc của em trong một tháng, phải thua. Em muốn rằng em là người được hưởng nhiều nhất, như ý anh mong ước cho em, em là người được biết nhiều nhất vì em vẫn tu phụng là người tài giỏi nhất. Bấy giờ, qua một chặng đường dài, ngoài lại đáng sau mà nhia xem những cái đã tu luyện được, em chỉ thấy em được có đặc, cái kinh nghiệm này: Người ta dùng như thế mới cái cây có lá. Cây ấy, là cây này! đời thời gian làm cho lớn mới được, chứ như người làm vườn có tâm cho vào may ền để cho lá là ra, cây lớn ra thì cây ấy, là cây chỉ chóng chết mà thôi. Khoa học có thể giảng cho ta về cái rễ cây, chế như cây cây ở trong cái chậu; nhưng nếu có ý cướp quyền tạo hóa mà bắt cây, là lấy phỉ lộ thì cũng được như là người ta công vật, phải tìm mà hòa hợp với thiên nhiên, chứ không phải được thiên nhiên. Mà thiên nhiên thì bao giờ cũng có sự điều hòa, tiết tấu, không nhanh không chậm, không thiên về đảng nào quá.

Sống một năm mà lại muốn được từng trải bằng một người sống một trăm năm, nào có khác gì cho một miếng da vào máy ép để làm cho miếng da đó rộng ra hơn trước. À được, rộng hơn trước thì có thể được, nhưng phẩm vật chất thì bao giờ thể chất cũng hữu hạn, không vô cùng. Bở vậy, nếu mà ông da đó rộng ra thì cái bề dày của nó tất phải dầm đi. Nếu người thì máy có cổ ép cho nó rộng ra mà, rỗng ra mà thì vật chất không liên được với nhau nữa, miếng da phải nứt rạn rồi vỡ bẻ. Thế là người ta chết! Người ta chết vì « được » nhiều quá, vì « muốn » nhiều quá. Cái « muốn » đối chọi lòng ta, còn cái « được » thì hủy hoại thân xác ta. Chao ôi, cái văn minh không biết làm cho người đời được sống sướng những nỗi gì, anh nghĩ! Chờ mãi thành khổ cuối là thành khố, tưởng sống mà hóa ra chết, tưởng chết mà ra thái bái. Theo thiên tính của em thì văn minh chẳng qua như thuốc phiện mà em được hút vậy. Mối « làm và khổ » thì tôi làm, đẹp lắm, khỏe lắm nhưng chẳng bao lâu thì nó bắt hết cả nhựa sống: trong người ta làm cho trí ta kém, tâm ta hỏng và xác thì ta suy nhược, làm cho một người trẻ tuổi hóa ra ông già, ông già hóa ra cái bộ xương sọ chết mà dân bà tài sắc thì ra đồng rệp. Em sợ rằng nếu cái văn minh mà lúc mới đến đây anh vẫn ca tụng với em đó chỉ có một mục đích làm cho người ta xuống về thế xác mà không chú ý đến việc mở rộng cái trí và làm thối cái tâm, thì cái văn minh đó bất quá rồi cũng chỉ có những kẻ què quặt liệt như thuốc phiện, nghĩa là làm cho giống người suy nhược rồi bị tiêu-diệt mất.

(Ký sau đây tiếp)

VU BĂNG

(1) « Mieux ça va » của Balzac.

SÁCH ĐỜI MÔI

MUỐI NHỎ GIỚI (giáo dục gia đình, của Thái-Phi) 200 trang ... 190	HAI TÂM - HỘN (sách hội họa thuyên) của Lê-Văn-Trương ... 190
THÀNH-NIÊN KHỐ (câu chuyện về 4 anh em) của Đào-Anh-Châu 200 trang ... 190	NGƯỜI MÊ TỎ-LẠI của Lê-Văn-Trương (tên làm họ cũn) mới cuốn ... 190
GIỌT MÀU SAU CÙNG (truyện tình) của Phan-Trần-Chue ... 190	KẾ BỐ SAU của Lê Văn-Trương (cuốn hai cuốn) mới cuốn ... 190
TRUYỆN KHỔ SĨM của Lê-Văn-Trương, Thái-Phi, Phan-Trần-Chue, Phan-Công-Micro v... mới tập ... 190	NGƯỜI ĐÀN BÀ của Lê-Văn-Trương ... 190
	GIỌT MÀU MẮT BẦU TIẾP của Lê-Văn-Trương, 190
	LỖ MỐT KIẾP NGƯỜI của Lê-Văn-Trương ... 190

Muốn có bản thống kê các sách giá trị, xin gửi 0506 tem về cho: Nhà x. 31-bên Bờ Mũi 62 hàng Cột Hanoi 61 1938

ARISTO

FIXATEUR IDEAL POUR LES CHEVEUX

Cuộc chiến tranh ở miền quần đảo Aléoutiennes và Bắc Thái-bình-dương

(Tiếp theo trang 6)

A. Xưa kia bán đảo này chỉ là một gò đất hoang vu quanh năm đầy băng và tuyết luôn có gió bão thổi qua, thế mà mấy năm gần đây, bán đảo ấy đã thành một nơi rất trọng yếu về việc dụng binh của Nga Xô-viết. Bán đảo này có nhiều núi và một vài ngọn núi lửa, một con sông chảy khắp bán đảo từ Bắc chí Nam. Diện tích bán đảo độ 100.000 dặm vuông nhưng dân số chỉ có độ 10.000 người trong đó một phần người là dân Nga. Nơi cần chú ý nhất và cũng là thủ đô của bán đảo Kamtchaka là quần đảo Pétropavlovsk trong vịnh Avatcha. Quần đảo này mấy năm nay có người Nga mở mang thêm nhiều hiện nay có đủ trường bay và bến tàu chiến. Ở phía cực nam Kamtchaka Nga đã lập một nơi căn cứ nữa ở Lopatka chỉ cách quần đảo Kourile của Nhật bằng bảy hải lý. Các đường hàng không từ Bắc Mỹ (Canada hoặc Alaska) sang Nga phải đi qua Du ch Harbour, Kiska và Pétropavlovsk.

Một miền luôn luôn có gió bão

Việc dụng binh ở các miền nói trên là như quần đảo Aléoutiennes, Bắc Pétling, bán đảo Kamtchaka phải tùy theo mùa, các luồng gió bão, các dòng nước bề và khi hậu những miền gần Bắc cực đó. Miền Bắc Thái-bình-dương, mùa đông cũng như mùa hè là một miền mà áp lực của khí quyển rất nặng vì thế mà gió ở các miền không khí nhẹ hơn thường thổi đến và từ miền đó thành những trận bão lớn. Tuy vậy, mùa hè và mùa đông các luồng gió lại gặp nhau ở đây. Tại miền bán đảo Kamtchaka, cứ tính trung bình mỗi năm có độ 50 trận bão. Ở Bắc Okhotsk, Bắc Pétling và miền Bắc Thái-bình-dương các trận bão còn mạnh hơn và nhiều hơn trong lục địa. Có khi, bão suốt trong mười ngày hoặc 15 ngày luôn không lúc nào ngừng (càng đi về phía Nam thì gió bão càng dữ dội). Ta có thể qua một đoạn trong bài ký sự của bác sĩ Steller người đã đi vào cuộc thám hiểm thứ nhất ở miền Bắc Pétling và quần đảo Aléoutiennes thì đủ thấy mưa bão ở miền đó như thế nào: «Lại một trận bão nữa thổi từ miền Đông Nam lại và đổi chiều thổi về phía Tây mỗi lúc mỗi mạnh hơn.

«Có lúc chúng tôi thấy gió thổi về phía chúng tôi như một luồng gió ở một đường hầm thoát ra. Gió thổi rất lớn, kêu lên, mạnh đến nỗi lúc

nào chúng tôi cũng tưởng tượng như cột buồm và bánh lái sắp bị cuốn đi và cả chiếc tàu bị va vào sóng sắp vỡ tan ra từng mảnh. Lúc đó chúng tôi cũng sợ hãi đến nỗi muốn nhảy xuống biển để chết. Người cầm lái lại thấy chúng tôi sợ đi bèn đã ngoi lên 50 năm mà cũng chưa từng bao giờ thấy một trận bão to đến thế.

«Ngày hôm sau, gió vẫn bão, gió vẫn thổi mạnh hơn không ngừng (Trên giới lại có chớp và mưa to đổ xuống. Từ 5 hôm nay, tàu chúng tôi vẫn bị trời giạt về phía Đông Nam, Hải tằm sau nữa, mới 5 giờ sáng lại thấy bão từ phía Tây Nam lại. Thuyền chưa bao giờ chúng tôi thấy bão to và ghê gớm đến như thế. Lúc nào tàu cũng như sắp vỡ. Không ai còn có hi vọng thoát chết. Trong khi gió bão, mây trên trời chạy qua nhanh như tên bay. Gió chỉ yếu được một lát rồi một trận bão khác từ phía Đông Nam lại ầm ầm kéo đến. Hình như không mấy ngày là không có bão. Bán đảo rồi các thủy thủ cũng quen với gió bão và sự nguy hiểm.

«Không bao giờ lại mưa suốt ngày. Ngoài sương mù và lên không khí băng tuyết, ừ đó không còn có gì là hơn nữa. Ít khi được trông thấy giới quang mây tạnh...»

Cả trong bài ký sự của bác sĩ Steller về cuộc thám hiểm lần thứ nhất ở phía Bắc Thái-bình-dương, luôn luôn thấy gió bão, gió bão, sương mù và mưa nữa.

Ngoài gió bão ở miền này còn có nhiều dòng nước bề rất có ảnh hưởng đến hành trình của các thuyền gặp nhau ở miền Bắc Thái-bình-dương. Một là dòng nước nóng ở phía Nam chảy lên gọi là Kuroshio, hai là dòng nước lạnh ở phía Bắc xuống gọi là Ojoshio. Dòng nước nóng chảy từ phía Bắc Thái-bình-dương từ phía California (Mỹ) chảy về phía Tây, được quanh quần đảo Hawaii và phía Nam các đảo đó và sau khi đi qua bờ Bắc quần đảo Phi-lip-pin và nước Tàu chảy lên phía Đông Bắc. Dòng nước này chảy qua miền Bắc Thái-bình-dương ở phía Nam quần đảo Aléoutiennes. Tại miền này, dòng nước mới lấy tên là Kuroshio vì màu nước xanh sẫm. Dòng nước này nhiệt độ từ 45 đến 50 độ giống như dòng nước Gulf Stream chảy qua phía Bắc Đại-tây-dương từ Tây sang Đông Sườn bên là dòng nước Kuroshio gặp một dòng nước lạnh từ Bắc-bang-dương chảy xuống, qua khắp miền Bắc Pétling

và quần đảo Aléoutiennes mà xuống miền Nam. Dòng nước này nhiệt độ thường chỉ 35 độ không những có ảnh hưởng đến khí hậu các xứ như quần đảo Aléoutiennes, bán đảo Kamtchaka, quần đảo Kouriles, đảo Hokkaido mà còn là nguyên nhân các sông mà thường phải ra từ chỗ nơi giống nước gặp nhau.

Một điều đặc biệt nữa của miền này là bề sâu, chênh lệch nhau rất xa. Bắc Thái-bình-dương miền Bắc bề bình cho đến quần đảo Aléoutiennes và cả bề Okhotsk không xa lắm chỉ từ 90 đến 900 peds là cùng. Vì thế mà nước bề dễ động thành băng và tạt ngầm đi lại vào lưu hải phần đó rất nguy hiểm. Càng về phía Nam, bề



Ảnh Đông A tuần bão ở các đảo Aléoutiennes, băng đông hình lớp dày, quân lính Nhật phải dùng búa rìu để phá băng.

càng sâu hơn. Phía Bắc các đảo Aléoutiennes chỉ sâu độ 12.000 peds mà ở phía Nam đã sâu tới 24.000 peds và ở gần các đảo Kouriles, vực bề Tuscaraora sâu tới 23.272 peds.

Khi bề miền Bắc Thái-bình-dương từ mùa hè đến mùa đông chênh lệch nhau rất xa: Về mùa đông, khi biển rét và dòng nước lạnh Ojoshio làm cho bề khắp miền đó đều có băng tuyết, miền có băng nổi trên mặt bề xuống quá già

quần đảo Aléoutiennes đến tận đảo Hokkaido. Từ đầu tháng Octobre, bề bề Bering nước đã đông thành băng và từ đó cho đến giữa tháng Jun ta bề bề không thể qua eo bề bề. Cũng trong mấy tháng ấy, lại miền này gió bão rất to và nhiều sương mù, lại thêm các dòng nước chảy từ Bắc xuống cuốn theo những tảng băng lớn rất nguy hiểm cho tàu bè qua lại.

Từ Novembre đến Mai, ở Bắc Okhotsk lúc nào từ trong bờ ra cũng có một dải băng cứng rộng từ 40 đến 50 hải lý, miền ở giữa bề bề không bao giờ đông. Đến trung tuần tháng Mai thì trên các con sông chảy vào bề bề, băng bắt đầu tan

cố những tảng băng trong bề bề cũng vậy. Đến trung tuần tháng Jun thì hầu khắp vùng này băng đã tan hết chỉ trừ ở miền Đông Nam trong eo bề Sakhaline là băng còn mãi tới hết tháng Juillet. Trái lại trong bốn tháng hè thì ngày lại dài gấp hai đêm, một giờ mỗi ngày cho tới chiều suốt 16 giờ đồng hồ và ánh nắng nóng tới 35, 36 độ chẳng khác gì ở miền nhiệt đới. Tại một xứ mà từ mùa này sang mùa khác khí hậu khác nhau nhiều đến thế, quân lính đóng ở đây phải tập cho quen với khí hậu và các cuộc hành-binh cũng tùy theo sự thay đổi của thời-tiết.

Nhưng cái nạn ghê gớm nhất cho các tàu bè qua lại miền này không phải là băng và gió bão mà là sương mù. Thường sương mù lại có mưa nên lại càng khó trông thấy trên mặt bề. Ở Alaska, mỗi năm trung bình mưa tới 250 ngày, trên các đảo Aléoutiennes hàng năm mực nước mưa cao tới 80 inches (1).

Sau cùng, trong các cuộc hành-binh ở miền Bắc Thái-bình-dương này, người ta còn phải đề ý đến vấn đề ngày dài hoặc ngắn mùa

(1) Mỗi inches dài độ 4 phân tây

Nhà sản xuất lớn các thứ áo dệt (PULLOVERS, CHEMISETES, SLIPS, MAILLOTS V.V...) chỉ có

HÀNG DỆT PHÚC-LAI

87 - 89, Route de Huế, Hanoi - Bán buôn khắp Đông Pháp áo tốt không đắt sành kép

hè và mùa đông. Vì là một miền gần Bắc-cực nên trong gần nửa năm từ Novembre đến Avril, ngày mai ngắn chỉ bằng một phần ba đêm cũng như ở Phần-lan. Ở các miền này, suốt năm chỉ có một thời kỳ độ một tháng rưỡi từ cuối Juillet đến giữa tháng Septembre là thời tiết con hợp với các cuộc hành-binh hơn cả, trên mặt hồ, trên không cũng như trên cạn.

Một quang-cảnh sinh-hoạt mới trên miền Bắc-cực

Trên các miền Bắc-cực đó, từ bao nhiêu thế kỷ nay chỉ có gió bão, băng-tuyết làm cho Gìn đây quang-cảnh đã thay đổi hẳn. Sự thay đổi đó là do sự hoạt-dộng về kinh-tế và quân-sự của các cường-quốc có quyền lợi ở các miền đó gây nên. Cả chính-phủ Nga Xô-viết chính-phủ Hoa-kỳ và nước Nhật trước khi xảy ra cuộc chiến tranh Đại-dòng-Á đã ngầm ngầm dự bi để mở mang các nơi cần cù quân sự của mình trong khu đó. Tình hình Thái-bình-dương càng gây thêm thị sự của hai nước này về vấn đề quân-bị của các miền Bắc Thái-bình-dương càng rõ rệt. Nhất là vì sự tiến bộ của phi-quân các nước gần đây nên người ta càng chú ý đặc biệt đến các nơi cần-cứ xa xôi đó. Người ta thấy các phi-công Nga Xô-viết đã chiếm kỹ-lục bay mới mach từ Mạc-tư-khoa sang Gia-nã-dại qua miền Bắc cực, chính-phủ Mạc-tư-khoa càng ngày càng chú ý thêm đến việc mở mang miền Đông Bắc Tây-bà-lợi-a và bán-đảo Kamtschka. Rồi đến chính-phủ Hoa-kỳ cũng tìm cách mở mang miền Alaska và đặt thêm các nơi cần cù ở các đảo Aleoutiennes. Gần đây lại có tin con đường vận tải trên bộ từ Alaska về Hoa-kỳ qua Gia-nã-dại đã hoàn thành. Đó là một con đường hoàn toàn dùng về quân-sự.

Đến về phần nước Nhật thì càng ngày càng cũng có thêm cuộc phòng thủ về phía Bắc. Từ 1875 Nga hoàng đã nhượng các đảo Kouriles cho Nhật để đổi lấy độc-quyền khai thác trên đảo Sakhaline nhưng từ sau cuộc Nhật-Nga chiến tranh (1904-1905) Nhật lại kiểm soát một

hầu đảo đó và cả miền bờ Okhotsk. Ngày 32 độ Kouriles từ mũi bờ Lopatka cho đến đảo Hokka do bề dài độ 750 hũ-ly chẳng khác gì một bức tường thành giữa bờ biển phía tây cho Nhật về mặt Bắc. Vì giữa các đảo Kouriles đương nên hải và phi-quân Nhật có thể kiểm soát bờ Okhotsk một cách hiệu-quả hơn là Hoa-kỳ kiểm soát bờ Berling. Các tàu bè chỉ có thể vào bờ Okhotsk ban đêm hay trong khi giờ nhiều sương mù, việc đi lại của các đảo có núi đá cheo leo lại rất nguy hiểm. Tuy Nga Xô-viết vẫn có một con đường đi vào bờ Okhotsk đó là eo bờ Tartarie ở giữa bờ biển Tay-ba-lợi-a và đảo Sakhal ne, nhưng hiểm trở, đường đi lại không thông thả ra đại dương được. Trong lúc chiến tranh, các tàu bè của các nước đồng-minh Nga chỉ có thể đi bộ ở bờ biển phía Đông bán-đảo Kamtschatka và từ đó đi không có đường bộ và đường xe lửa thông với các đường khác ở Tây-bà-lợi-a. Từ Hải-sâm-y đến Lopatka 4,500 dặm bờ biển của Nga đều ở dưới con mắt của hải-quân Nhật vì thế nên họ cũng không phải là đường có thể qua lại được trong lúc cần cấp các hải-cảng ở dọc bờ biển mà Nga đã mở thêm trong mấy năm nay chỉ quan hệ trong lúc hòa bình chứ khi chiến tranh thì không dùng được.

Cứ xem qua trên này thì ta thấy rõ rằng địa vị quân-sự Nhật về phía Bắc cũng như ở phía Đông và phía Nam rất là kiên cố. Nhất là sau khi quân Nhật chiếm các đảo Attu và Kiska và hải và phi-quân Nhật kiểm soát được một phần bờ biển phía tây địa vị của Nhật càng thêm củng cố.

HỒNG-LAM

GIÁ MUA BẢO

	Một năm	6 tháng	3 tháng
Bắc-kỳ, Trung-kỳ	18500	9500	5400
Nam-kỳ, Tân-kỳ	18000	10000	5500
Ngoại quốc và Công-sở	45000	20000	10000

Mua bảo phải trả tiền trước mandat xin đi
TRUNG-BÁC CHỦ NHẬT, HÀ NỘI

HÃY ĐỌC:

NGHÌN LẺ MỘT ĐỀM

của Trần văn Lai - Bản dịch giá trị, đầy đủ và cặn kẽ như nguyên văn (tổng một nghìn lẻ một đềm) mới có lần xuất bản đầu tiên tại Việt Nam. Mua cho 1 ngàn bản chỉ từ đầu năm ngày từ quyển 1. Từ đềm thứ nhất tới giờ đây đều thứ chín.

THU ĐỒNG NỘI

của Võ LAM - Một tác phẩm về những bài tranh đồng nội với những nét chân thành đã được vào dịp 1000 (có thêm một 1 bản khác về văn chương đồng nội)

NHÀ XUẤT BẢN TÂN VIỆT - 29 LAMBIOT HANOI

Bao giờ làn sóng chiến tranh tràn đến Alaska...

(Tiếp theo trang 12)

Xứ Gia-nã-dại cũng dự định xây nhiều trường bay ở dọc bờ biển cách nhau độ 300 cây số để cho việc giao thông bằng phi-cơ giữa Hoa-kỳ, Gia-nã-dại và Alaska được dễ dàng.

Chương-trình này đã thảo từ 1941 các bản từ hai năm nay cũng phần thủ ở Alaska đã thay đổi nhiều, nhưng các điều dự định đều giữ bí mật.

Trước tình thế này người ta phải tự hỏi: Xứ Alaska, một đất xa xôi gần Bắc cực, ở giữa nơi giáp giới giữa hai lục-địa, hai đại-dương, nơi mà người ta không hiểu rõ là thời-gian dài về ngày-hôm trước hay hôm sau, (vì ở ngay đường kinh tuyến 180 độ) đến bao giờ sẽ thành một bãi chiến-trường?

Quân Nhật hiện đã tiến đến các đảo Attu và Kiska, chắc hẳn sẽ không chịu đứng yên ở đây và nếu muốn tấn công sang Mỹ-châu do phía Bắc thì tất phải đi qua xứ Alaska trước đã.

VĂN HẠC

+ HƠI THUỐC, HỌC THUỐC +

Y-si Lê Văn Phấn, tốt nghiệp Trường Cao đẳng y học, lâu năm kinh nghiệm trong các nhà trường lớn, chuyên khoa cứu thuốc: Nam, Bắc, có một vị bảo chế sự và một vị danh y cho học phụ y cấp, đã soạn và dịch hết các bộ sách thuốc Đông Tây ra Quốc-ngữ. Y-si là một nhà phương thuốc hay và rất có tài để các chung bệnh, nhất là về bệnh ở phổi và dạ dày. Các ai muốn học hỏi, xin đến học thì dễ, mua sách Đông Tây 1.000 (20), Nam nữ và sản phụ (15) xin cù

M. LÊ VĂN PHẤN - médecin civil
N° 18, rue Ba-Vi Son-tay - Tonkin

Hội đồng

Hóa giá

đã công nhận 4 thứ thuốc chữa HỒ LẠI của nhà Đại-Á theo giá dưới đây:

- 1) CAO HO LẠO, chai 50 grs thuốc: 16p80; chai 30grs thuốc: 8p10; chai 15 grs thuốc: 4p55.
- 2) NƯỚC TRỊ HO LẠO, chai 30grs 4p55, chai 15 grs 2p45.
- 3) DƯỢC PHÉ CAO, chai 30 grs 8p10.
- 4) GIẢI T. T. TAM 60grs. 2p10.

Mua thuốc tại tổng-cơ: 170 phố Lê-Lợi, Hanoi do ông Lê xuân-Khoi (nhà dốt, hoặc chi-cơ: 209 Lagrand ere Sa sen, và đại lý: Thanh-ninh, 43 p. 6 An-cue, Huế, Mai Hinh, Haiphong) đến theo giá trên và chỉ bán lẻ theo giá công: 7 phố đền 11 giờ, chiều 1 giờ đến 7 giờ.

NHÀ SÁCH
NG. KHÁNH ĐÀM
12 Sabourain - Saigon

Nhân đồng sách
bằng găm và da đủ
màu. Đẹp, trang nhã

SAP RA DÓT:



phần thuốc ở đây được si chế theo phương pháp khoa học, có tính cách giữ gìn cho da mặt được luôn luôn tươi sáng

QUỐC THY NỮ

một thế giới rất tân rất lịch sự đã thay cho giấy da phôi nhũ.
Tổng phát hành: Taima et Cie
Chú thêm địa-lý các tỉnh

Bán thẳng cho người dồng giá thật rẻ

Từ nay đến cuối sự sẽ có rất nhiều quà tặng, giấy, tiền, quần áo, gũ, hũ, trầu, 55 một thước quần áo 6m75, một bộ 5m20, giá 26 \$40.

Tôi sẽ ra gặp đẹp nội quần 5m30 1 thước một bộ 5m20 giá tiền 27 \$50. Mua gửi mandat cho ông Trương văn Tự sẽ có hàng gửi bảo đảm đến tận nhà. Trương văn Tự thay mặt sở dặt TIỀN HẢI, bán giấy 265 Pétain Haiphong.

Chỉ nhánh Nam - Kỳ và Trưng-Kỳ Phòng thuốc chữa phôi

115 Radeaux Ha oi Tél 1630)
SAIGON - Văn Đăng 32 Aviator Girros
HUẾ - Nam - Hải, 147 Paul Bert

Cơ sở lao lập chữa các bệnh: lao, cơ trúng ở phổi. Từ lâu thành được 4p ngàn ngàn các bệnh lao sắp phát. Sinh phế mại cho 2p, chữa các bệnh phổi có vết thương và vết đen. Sát phổi trúng 2p ngàn phổi và sát trúng phổi. Các thuốc bổ phế kiem bổ thân 1p50 và ngưi từ 4p 4p, đều rất hợp bệnh.

Cơ nhân sách thuốc chữa phôi và sách bi thư nội về bệnh lao hiệu không. Hồi xin ở tổng cục và các nơi chi nhánh.

SÁCH GIÁ RẺ:

PHẬT GIÁO TRIẾT HỌC

Gia 2589 - Một triết học về cũng sau rường lần đầu tiên được diễn ra quốc-văn do một học giả thông tiếng phạn và đã tới nhiều Cao-đạo trí triết học: Paris, ông PHAN VĂN HEM

THI HẠO TAGORE

Gia 4580 - Một công trình khảo cứu rất giá trị của ông Nguyễn văn HAI, nhà thi sĩ Nguyễn thiện THU, của các học-si Nguyễn văn MƯƠI.

NHÀ XUẤT BẢN TÂN VIỆT - 29 LAMBIOT HANOI

DÙ «MỸ-THUẬT» KIỂU NHẬT, BONG TRÚC

DÙ LỢP LỰA hạng thường... 5,45

DÙ LỢP LỰA hạng luxe... 6,50

DÙ LỢP SATIN hạng thường... 8,50

DÙ LỢP SATIN hạng luxe... 9,75

Gửi C.R. đi khắp mọi nơi. Mua buôn xin hỏi giá riêng

LE LOUVRE 70^{ter} Jules Ferry
HANOI

Giày Phuc-My

BỀN BỀ

VÀ ĐẸP

CÓ CATALOGUE

KÍNH BIẾU



Mua buôn hỏi giá đặc biệt riêng. Thư từ
ngân phiếu dễ cho M. Trương-quang-
Huỳnh — 204 rue du Coton — Hanoi

HOUANG - P'ENG

Fabricant

FIXATEUR DE LUXE GOMÉDOR ET MILDOR

BRILLANTINE DE LUX JOLIÉDOR ET MÉDOR

PÂTISSERIE, CONFISERIE, ÉPICERIE

MERCERIE ET RUQU CHOI BẮC KỲ

Bán ở 74, Hàng Bông Chợ Ruộm — Hanoi

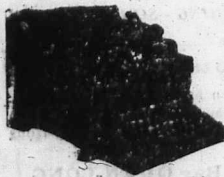
NHỚC ĐẦU, NGẠT MÙI, SỐT
NÓNG, ĐẦU MÌNH NÊN DỪNG :

Thời nhiệt tán ĐẠI-QUANG

Trong mùa nóng bức, thường
oj cảm - mạo cũng nên dùng :

THỜI - NHIỆT - TÁN ĐẠI - QUANG

Xin nhận kỹ hiệu (bướm bướm) mới khỏi nhầm
23, phố hàng Ngang Hanoi -- 161. 805



Một nhà chuyên môn
chứa và cho thuê máy
chữ, từ 30 năm nay,
được tin nhiệm của
mọi người. Cần mua
nhiều máy, chữ cũ

**Maison
Quảng-Lợi**

14, Rue du Papier

Hanoi

— Téléphone n° 119 —

Vinh - Cát

8, Rue Puginier, Sontay
may quần áo trẻ em đã có tiếng

COSTUMES

ROBES

LAYETTES

bán buôn, bán lẻ khắp Đông-dương



Kẹo hồ

Pesto

*mật cô
thơm miệng*

NÊN HÚT THUỐC LÀ

BASTOS

NGON, THƠM

Giá... .. 0\$16

Glycérina

SAVON DENTIFRICE ENTISEPTIQUE

Lauréat du Concours de l'Artisanat

Distributeur : PHÚC-LAI

87-89, ROUTE DE HUẾ HANOI — Tél. 974

DẦU NHỊ - THIÊN

Trị bách bệnh nhất thần hiệu Mỗi ve 0\$35

Quý khách có mua, xin mời đến các nhà
dại-lý, hoặc tiệm chích, thời mới được dầu
chính hiệu. Xin đừng mua ở các hàng dong
trên tòa bề mà mua phải thứ dầu điều giả.

Nhị-Thiên-Đường kính cáo

NHỊ-THIÊN-ĐƯỜNG ĐƯỢC-PHÒNG

76, phố hàng Buồm, Hanoi — Téléphone 849